

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG GIAI ĐOẠN 2018-2025**  
**TẦM NHÌN 2030**

**(Sửa đổi, bổ sung năm 2018)**

*(Kèm theo Quyết định số 279 /QĐ-ĐHHD ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Trường Đại học Hải Dương về việc ban hành “Chiến lược phát triển Trường Đại học Hải Dương giai đoạn 2018-2025 tầm nhìn 2030”)*

**Hải Dương, năm 2018**

## NHỮNG CỤM TỪ VIẾT TẮT

<b>STT</b>	<b>Viết tắt</b>	<b>Viết đầy đủ</b>
1	ĐHHD	Đại học Hải Dương
2	CGCN	Chuyển giao công nghệ
3	NCKH	Nghiên cứu khoa học
4	KHCN	Khoa học công nghệ
5	HTQT	Hợp tác quốc tế
6	GDDH	Giáo dục đại học
7	ĐH	Đại học
8	SĐH	Sau đại học
9	GS	Giáo sư
10	PGS	Phó Giáo sư
11	TS	Tiến sĩ
12	ThS	Thạc sĩ
13	GVC	Giảng viên chính
14	GV	Giảng viên
15	NCS	Nghiên cứu sinh
16	HV	Học viên
17	SV	Sinh viên
18	CBVC	Cán bộ viên chức
19	KĐCL	Kiểm định chất lượng
20	PPGD	Phương pháp giảng dạy
21	CNTT	Công nghệ thông tin
22	Bộ GDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
23	NSNN	Ngân sách nhà nước
24	CSVC	Cơ sở vật chất

## MỞ ĐẦU

Trường Đại học Hải Dương (được đổi tên từ Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương) được thành lập theo Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Thành lập Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương, là cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc UBND tỉnh Hải Dương và chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trường Đại học Hải Dương (ĐHHD) có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đại học (ĐH) và sau đại học (SĐH); nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ (CGCN), hợp tác quốc tế (HTQT). Trải qua hơn 60 năm xây dựng và phát triển, Trường ĐHHD đã có nhiều đóng góp to lớn trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hải Dương, khu vực phía Bắc cũng như cả nước. Sau 7 năm hoạt động với định hình của một trường đại học, Nhà trường đã không ngừng nỗ lực phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, ngày càng khẳng định vai trò, vị trí của mình và đã đạt được nhiều kết quả.

Tuy nhiên, trước bối cảnh nền kinh tế toàn cầu, hội nhập quốc tế, tác động của nền kinh tế thế giới, sự khó khăn chung của hệ thống giáo dục đại học (GDĐH) của cả nước cũng như của Nhà trường trong thời điểm hiện tại, yêu cầu của đổi mới giáo dục đào tạo và yêu cầu phát triển Nhà trường trong giai đoạn mới, đòi hỏi Kế hoạch chiến lược phát triển Trường phải được xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới và đáp ứng sự phát triển nội tại của Nhà trường đã có nhiều vấn đề phát sinh kể từ khi thành lập đại học. Để định hướng phát triển Nhà trường trong thời gian tới, đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội, NCKH và CGCN phục vụ sản xuất, phù hợp với yêu cầu của tình hình mới và đáp ứng sự phát triển nội tại của Nhà trường, Trường ĐHHD tiến hành xây dựng **“Chiến lược phát triển Trường Đại học Hải Dương đến năm 2025, định hướng đến 2030”** với những nội dung chính sau đây:

**Phần 1. Triết lý giáo dục, Chính sách chất lượng, Tầm nhìn, Sứ mạng, Giá trị cốt lõi, Mục tiêu phát triển và Mô hình phát triển:** Tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục và Mô hình phát triển của Nhà trường.

**Phần 2. Thực trạng Trường Đại học Hải Dương:** Cung cấp thông tin chung về Nhà trường; thực trạng về tổ chức bộ máy, nhân sự; đào tạo; nghiên cứu khoa học; hợp tác quốc tế; cơ sở vật chất; tài chính và công tác đảm bảo chất lượng.

**Phần 3. Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030:** Nêu ra lý do, mục đích, yêu cầu của việc xây dựng kế hoạch chiến lược; Xây dựng mục tiêu chung cũng như các chiến lược thành phần trong từng lĩnh vực.

**Phần 4. Đánh giá hiệu quả, tính khả thi và kiến nghị**

**Phần 5. Tổ chức thực hiện**

## **Phần I**

### **TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG, TẦM NHÌN, SỨ MẠNG, GIÁ TRỊ CỐT LÕI, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN VÀ MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN**

#### **1.1. Triết lý giáo dục**

##### ***"Học để làm được việc"***

Giáo dục, đào tạo đại học là nơi con người tự do sáng tạo để phát triển phẩm chất, năng lực, kỹ năng, thái độ cần thiết để đảm bảo cho cuộc sống, làm việc của cá nhân, gia đình và sự phát triển của xã hội trong hiện tại và tương lai. Là trường đại học theo định hướng ứng dụng để sinh viên ra trường có việc làm và làm được việc. Do vậy, triết lý *"Học để làm được việc"* là sợi chỉ đỏ xuyên suốt các hoạt động của Nhà trường.

#### **1.2. Chính sách chất lượng**

Đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra, luôn cải tiến chương trình, phương pháp dạy - học và quản lý đào tạo, hoạt động NCKH hướng đến tiếp cận với giáo dục khu vực và thế giới và đáp ứng nhu cầu xã hội.

Người học là đối tượng trung tâm, luôn được đảm bảo quyền lợi tốt nhất trong học tập, NCKH, cơ hội việc làm và các dịch vụ hỗ trợ của Nhà trường.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào dạy - học và quản lý, NCKH hướng đến tiếp cận và đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

Xây dựng ý thức kỷ luật, tinh thần tập thể, phát huy tiềm năng và sự cống hiến của mọi cá nhân; quan hệ mật thiết với các bên liên quan nhằm đáp ứng ngày càng cao yêu cầu xã hội.

Duy trì và phát triển môi trường làm việc chuyên nghiệp, công khai, minh bạch, đảm bảo mọi thành viên của Nhà trường được phát huy tối đa năng lực phẩm chất của mình

#### **1.3. Tầm nhìn**

Trường Đại học Hải Dương trở thành đại học ứng dụng, đa ngành, đa lĩnh vực, thuộc nhóm trường đại học công lập trực thuộc tỉnh hàng đầu của Miền Bắc vào năm 2025. Kết nối với các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp trong và ngoài nước để trở thành trường đại học tự chủ và trách nhiệm xã hội, phục vụ cộng đồng có uy tín trong nước và tiếp cận khu vực vào năm 2030.

#### **1.4. Sứ mạng**

Trường Đại học Hải Dương là trung tâm đào tạo, NCKH, CGCN, hoạt động dịch vụ của tỉnh Hải Dương, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, sản phẩm khoa học, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của tỉnh Hải Dương và cả nước.

Phát huy vai trò là trường đại học ứng dụng, hoạt động đào tạo NCKH, dịch vụ, luôn gắn với nhu cầu của xã hội, cơ quan, doanh nghiệp và người học. Phát huy phẩm chất, năng lực người học vì sự phát triển bền vững của tỉnh Hải Dương và đất nước.

### **1.5. Giá trị cốt lõi**

**Môi trường sáng tạo:** Trường ĐHHD xây dựng môi trường sư phạm, giảng dạy, học tập và nghiên cứu thân thiện, đảm bảo cho cán bộ, GV, SV, học viên được tự do sáng tạo, phát triển tư duy, động lực làm việc; phát huy phẩm chất, năng lực của người học; Lắng nghe, tôn trọng các ý kiến phản biện khách quan, có cơ sở khoa học, trên tinh thần xây dựng; Giữ vững và phát huy truyền thống đoàn kết, dân chủ, đổi mới và sáng tạo.

**Tập thể đoàn kết:** Tập thể sư phạm Nhà trường là một khối thống nhất, đồng tâm nhất trí vì sự phát triển bền vững của Nhà trường. Luôn sẵn sàng hợp tác trong công việc, chia sẻ nguồn lực, luôn quan tâm, hỗ trợ và giúp đỡ lẫn nhau để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Mạng lưới cựu giáo chức, cựu SV, học viên và các đối tác cơ quan, doanh nghiệp, trường học... luôn là một phần gắn bó chặt chẽ, liên kết cùng phát triển của Trường ĐHHD .

**Liêm chính, minh bạch:** Trường ĐHHD tôn trọng sự trung thực, công bằng và minh bạch trong tất cả các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu, cơ sở vật chất và quản trị đại học. Công khai và thực hiện nghiêm túc những cam kết của Nhà trường đối với người học, cán bộ, viên chức và lao động của Nhà trường, cộng đồng và xã hội.

**Chất lượng, hiệu quả:** Các hoạt động của Trường ĐHHD luôn hướng tới từng bước nâng cao chất lượng, đạt hiệu quả tối ưu nhằm đảm bảo sử dụng tốt nhất và bền vững các nguồn lực hiện có. Tầm nhìn dài hạn luôn được quan tâm, chú trọng, được đánh giá, điều chỉnh phù hợp thực tiễn để đảm bảo sự phát triển liên tục, có hệ thống của Nhà trường.

**Trách nhiệm cộng đồng:** Các thành viên của Trường ĐHHD luôn suy nghĩ và hành động có trách nhiệm với Nhà trường, cộng đồng và xã hội. Lợi ích của mỗi cá nhân gắn liền với sự phát triển của Nhà trường, của đất nước, vì sự an sinh của xã hội. Hết lòng vì sự nghiệp giáo dục đào tạo là nhận thức căn bản của mỗi thành viên của Nhà trường.

### **1.6. Văn hóa**

Chất lượng tạo thịnh vượng và sự tin cậy, hợp tác cùng phát triển.

### **1.7. Mục tiêu phát triển**

Trở thành ĐH công lập trực thuộc tỉnh tự chủ và trách nhiệm xã hội, có hệ thống quản trị tiên tiến, chuyên nghiệp. Nhà trường luôn chủ động thu hút và bồi dưỡng nhân tài, trở thành địa chỉ tin cậy của những chuyên gia trong lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu,

sản xuất, kinh doanh, hoạt động dịch vụ... của tỉnh Hải Dương. Trường là lựa chọn đáng tin cậy của học sinh, học viên trong và ngoài tỉnh Hải Dương vì mục tiêu đóng góp cho sự phát triển bền vững của cộng đồng, của tỉnh Hải Dương và cả nước.

Chất lượng kiến thức chuyên môn, kỹ năng, thái độ lao động, phẩm chất đạo đức của người học, khi tốt nghiệp từng bước đảm bảo theo cam kết chuẩn đầu ra, có việc làm và làm được việc. Nâng dần quy mô đào tạo tương xứng với chất lượng đào tạo hằng năm một cách hợp lý.

Sản phẩm NCKH, CGCN tiếp cận theo hướng ứng dụng cao, có khả năng sử dụng và triển khai hiệu quả về mặt kinh tế, xã hội.

Đội ngũ cán bộ GV Nhà trường có năng lực và trình độ cao, đạt chuẩn, trên chuẩn theo quy định hiện hành, làm nền tảng cho sự phát triển của Nhà trường.

Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu dạy và học, NCKH, các hoạt động dịch vụ.

Phát triển mô hình ĐH ứng dụng đa ngành, đa lĩnh vực, có cơ cấu, tỷ lệ hợp lý theo nhu cầu của doanh nghiệp, xã hội tương xứng với tiềm năng thực tế của Nhà trường; từng bước tự chủ, chịu trách nhiệm xã hội; liên kết chặt chẽ với các cơ sở đào tạo, các cơ quan, doanh nghiệp, địa phương trên địa bàn để hợp tác cùng phát triển.

Các nguồn lực tài chính được phát triển theo hướng đa dạng hóa và bền vững, hiệu quả, không trái luật thông qua tăng cường, mở rộng hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, khai thác các loại hình dịch vụ sản xuất, kinh doanh, cho thuê tài sản... và các hình thức tài trợ, huy động mới, tiết kiệm, chi tiêu hiệu quả.

### **1.8. Mô hình phát triển**

Trở thành đại học ứng dụng, vận hành theo cơ chế doanh nghiệp, có trách nhiệm xã hội đầy đủ, đa ngành, đa lĩnh vực. Bao gồm: Các khoa/bộ môn hoặc đơn vị chuyên môn; các đơn vị chức năng, dịch vụ, hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH, CGCN và hoạt động dịch vụ.

Tăng cường tự chủ, trách nhiệm xã hội cho các đơn vị, các cá nhân trong trường là chủ trương xuyên suốt trong mô hình tổ chức, công tác nhân sự của Trường ĐHHD. Bên cạnh tự chủ về học thuật, các đơn vị cũng sẽ được phân cấp tự chủ trong quản lý tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự.

Trường ĐHHD sẽ tập trung các nguồn lực để liên kết với các cơ sở đào tạo uy tín, các doanh nghiệp, các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương, trên cơ sở hợp lực để cùng phát triển. Nhà trường không chỉ cung cấp các dịch vụ đào tạo chuyên môn, kỹ năng, thái độ... gắn đào tạo với sử dụng, CGCN, hoạt động dịch vụ, sản xuất, kinh doanh, mà còn là đối tác tin cậy của các cơ quan, doanh nghiệp trên cơ sở hai bên cùng có lợi và pháp luật không cấm.

## **Phần II**

### **THỰC TRẠNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG**

#### **2.1. Bối cảnh kinh tế - xã hội**

Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ tiếp tục phát triển với những bước tiến nhảy vọt trong thế kỷ 21, xu thế cách mạng công nghiệp 4.0 đưa thế giới chuyển từ kỷ nguyên công nghiệp sang kỷ nguyên thông tin, phát triển kinh tế tri thức và kết nối số, kho tàng kiến thức của nhân loại ngày càng đa dạng, phong phú, đòi hỏi chất lượng đào tạo cần phải được nâng lên ở tầm cao mới.

Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế là một xu thế khách quan, vừa là quá trình hợp tác để phát triển, vừa là quá trình đấu tranh để bảo vệ lợi ích quốc gia. Sự cạnh tranh trong phát triển kinh tế ở nhiều cấp độ khác nhau trong nội bộ mỗi quốc gia và giữa các quốc gia diễn ra ngày càng quyết liệt hơn đòi hỏi phải tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng hàng hóa và đổi mới công nghệ. Vì vậy, vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội là vấn đề sống còn của mỗi trường đại học. Những thành tựu của công cuộc đổi mới đã và đang tạo ra những cơ hội cho sự phát triển toàn diện của đất nước, trong đó có giáo dục và đào tạo. Trải qua hơn 60 năm xây dựng và phát triển, Trường ĐHHD đã đào tạo và bồi dưỡng hàng vạn cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học và trên ĐH phục vụ sự nghiệp xây dựng phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, khu vực phía Bắc và cả nước nói chung.

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, tỉnh Hải Dương và khu vực phía Bắc có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng. Nhu cầu nguồn nhân lực trình độ cao và đa dạng được đào tạo tại chỗ phục vụ chiến lược phát triển của địa phương đã và đang trở nên hết sức cấp thiết bởi vì khu vực này khó thu hút nguồn nhân lực được đào tạo từ các trường ĐH lớn của cả nước như các thành phố lớn có điều kiện. Mục tiêu quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Hải Dương và các tỉnh lân cận đến năm 2020 đã đặt ra nhu cầu lớn về nguồn nhân lực cho khu vực, vai trò của các cơ sở đào tạo ĐH đa ngành trong vùng càng trở nên nặng nề. Hiện nay, nhu cầu đào tạo cán bộ các chuyên ngành kinh tế, kỹ



thuật, xã hội... phục vụ cho chiến lược phát triển của khu vực là rất cần thiết, quan trọng trong những năm tới nhằm đáp ứng được yêu cầu mới của xã hội. Hải Dương là một tỉnh thuộc Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ nên việc phát triển Trường ĐHHD sẽ tạo cơ hội thuận lợi cho con em nhân dân trong khu vực có điều kiện được học tập tốt nhất, giảm thiểu những chi phí khi phải đi học xa nhà. Hơn nữa, với bề dày kinh nghiệm của 60 năm tổ chức đào tạo và sau 7 năm thành lập ĐH, việc xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển để định hướng, mở rộng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế cho Trường ĐHHD trong giai đoạn tiếp theo là hết sức cần thiết và phù hợp với lộ trình phát triển của Nhà trường trong khu vực phía Bắc.

## **2.2. Thực trạng Trường Đại học Hải Dương**

### **2.2.1. Tổ chức bộ máy, nhân sự**

#### *a) Về tổ chức bộ máy*

- Trường Đại học Hải Dương được tổ chức, quản lý phù hợp với quy định của Điều lệ trường đại học và các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước. Cơ cấu tổ chức Trường bao gồm:

+ Đảng ủy, Ban Giám hiệu;

+ 12 phòng chức năng;

+ 7 Khoa chuyên môn;

+ 02 Viện;

+ 5 Trung tâm phục vụ đào tạo.

- Các tổ chức chính trị - xã hội của Trường ĐHHD gồm:

+ Công đoàn;

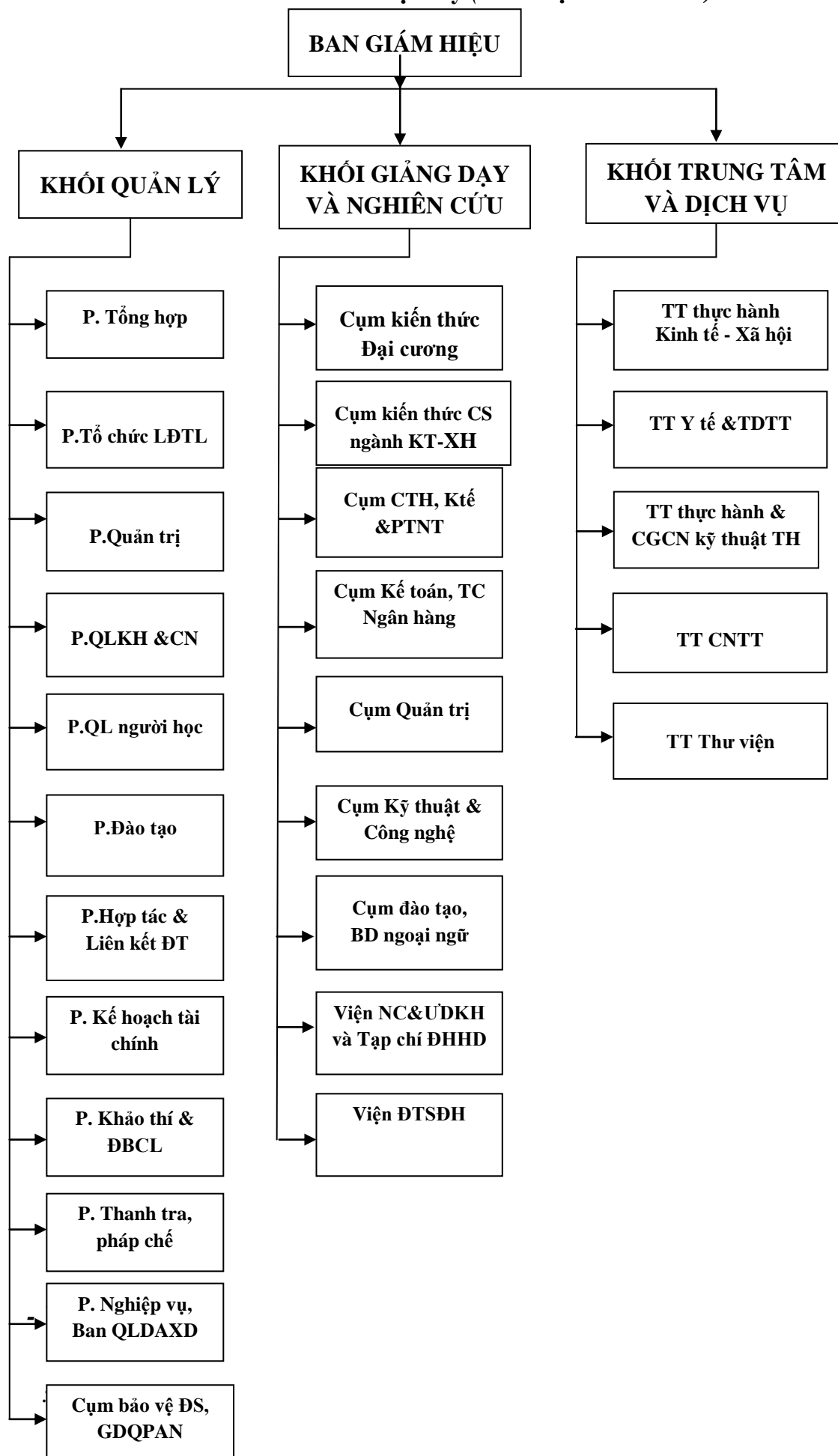
+ Hội đồng Khoa học và Đào tạo;

+ Đoàn Thanh niên CSHCM;

+ Hội Sinh viên;

+ Hội Cựu chiến binh.

Hình 1: Sơ đồ tổ chức bộ máy (Giai đoạn 2018-2025)



### *b) Về nhân sự*

Tính đến hết tháng 8/2018, tổng số CCVC toàn Trường là 299. Trong đó có: 85 nam và 214 nữ. Cụ thể: Giáo sư: 0; Phó GS-TS: 2; Tiến sĩ: 16; Thạc sĩ: 230; Đại học: 41; Cao đẳng: 04; Trung cấp: 03; Sơ cấp và chưa qua đào tạo: 03.

#### **2.2.2. Công tác đào tạo**

- Hoạt động đào tạo của Nhà trường được thực hiện theo quy định và quy chế hiện hành của Bộ GDĐT, có sự vận dụng linh hoạt, phù hợp trường đào tạo đa ngành nhằm phát triển toàn diện năng lực của người học. Từ khi nâng cấp thành trường ĐH, Trường ĐHHĐ đã chú trọng tổ chức thực hiện công tác chuyên môn, mở rộng quy mô, loại hình đào tạo, tăng cường liên kết đào tạo với các trường ĐH trong và ngoài nước, mở mới các mã ngành đào tạo hệ ĐH, đội ngũ giảng viên của Nhà trường đã được tăng lên cả về số lượng và trình độ.

- Xây dựng, bổ sung và điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng đổi mới phù hợp với mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra. Đổi mới PPGD theo hướng hiện đại, người học chủ động tự cập nhật và tích lũy tri thức, rèn luyện kỹ năng, phát triển năng lực, đẩy mạnh ứng dụng CNTT và truyền thông trong dạy học.

- Triển khai thực hiện tốt trong quá trình đào tạo là xây dựng kế hoạch đào tạo, tổ chức đào tạo và kiểm tra đánh giá SV. Phân công chuyên môn cho GV đảm bảo hợp lý, phù hợp với trình độ và năng lực giảng dạy.

- Việc tuyển sinh đã được chú trọng nhưng số SV đại học tăng lên không nhiều.

#### *\* Bậc đào tạo, quy mô đào tạo*

- Về bậc học bao gồm: Đào tạo 02 ngành trình độ thạc sĩ, 12 ngành đại học, cao đẳng.

- Về loại hình đào tạo: Đào tạo chính quy, liên thông từ cao đẳng lên đại học; các lớp bồi dưỡng ngắn hạn: tin học, ngoại ngữ, kế toán...

Về ngành học, quy mô đào tạo của Nhà trường được thể hiện trong bảng sau:

**Bảng 2.1: Thông kê ngành và quy mô đào tạo (Tính đến tháng 8 năm 2018)**

<b>STT</b>	<b>Trình độ đào tạo</b>	<b>Số ngành đào tạo</b>	<b>Quy mô học viên, sinh viên</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>1</b>	<b>Thạc sĩ</b>	2		
1.1	Kế toán		148	
1.2	Quản lý kinh tế		89	
<b>II</b>	<b>Đại học hệ chính quy</b>	12		
1	Kế toán		385	
2	Tài Chính-Ngân hàng		62	
3	Quản trị kinh doanh		75	
4	Quản trị văn phòng		13	
5	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành		15	
6	Kinh tế		12	
7	Phát triển nông thôn		1	
8	Kỹ thuật Điện		166	
9	Công nghệ thông tin		38	
10	Chăn nuôi		5	
11	Chính trị học		3	
12	Ngôn ngữ anh		10	
<b>III</b>	<b>LT từ cao đẳng lên ĐH hệ chính quy</b>	6		
1	Kế toán		44	
2	Tài Chính-Ngân hàng		1	
3	Quản trị kinh doanh		18	
4	Kỹ thuật Điện		17	
5	Quản trị văn phòng		0	
6	Công nghệ thông tin		0	
<b>IV</b>	<b>Cao đẳng</b>	5		
	Kế toán		7	
	Tài Chính-Ngân hàng		2	
	Quản trị kinh doanh		2	

	Quản trị văn phòng		3	
	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử		8	

- Đào tạo ngắn hạn:

Hiện tại, Nhà trường đang tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cấp chứng chỉ về tin học, ngoại ngữ, kế toán căn bản, kế toán trưởng...cho SV và người học có nhu cầu.

### 2.2.3. Công tác nghiên cứu khoa học

Hoạt động NCKH của Nhà trường trong những năm qua đã bám sát chiến lược KHCN của quốc gia, kế hoạch NCKH của tỉnh Hải Dương, khu vực và của ngành GDĐT, đồng thời gắn liền với công tác đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ cao của Nhà trường. Nhiều kết quả nghiên cứu có ý nghĩa về mặt khoa học, lý luận và thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, được áp dụng giảng dạy góp phần khẳng định uy tín của Nhà trường và yêu cầu mà thực tế địa phương đặt ra.

**Bảng 2.2. Kết quả hoạt động Khoa học & Công nghệ giai đoạn 2014 - 2018**

<b>Năm học</b> <b>Nội dung</b>	<b>2014- 2015</b>	<b>2015- 2016</b>	<b>2016- 2017</b>	<b>2017- 2018</b>	<b>Tổng</b>
<b>1. Đề tài KH&amp;CN các cấp</b>					
<b>1.1. Đề tài KH&amp;CN của CBGV</b>	<b>282</b>	<b>224</b>	<b>200</b>	<b>204</b>	<b>910</b>
Đề tài KH&CN cấp tỉnh	1	2	1	0	4
Đề tài KH&CN cấp cơ sở	281	222	199	204	906
<b>1.2. Đề tài KH&amp;CN của SV</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>2</b>
<b>2. Bài báo đăng trên tạp chí</b>	<b>26</b>	<b>33</b>	<b>30</b>	<b>26</b>	<b>115</b>
Tạp chí quốc tế	1	1	0	1	3
Tạp chí chuyên ngành trong nước	8	13	10	2	33
Tạp chí của Trường	17	19	20	23	79
<b>3. Báo cáo đăng trên kỷ yếu hội thảo</b>	<b>16</b>	<b>22</b>	<b>4</b>	<b>60</b>	<b>102</b>
Hội thảo quốc tế	0	0	0	0	0
Hội thảo trong nước	0	2	4	2	8
Hội thảo của Trường	16	20	0	58	94
<b>4. Giáo trình, sách</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>8</b>
Giáo trình	4	1	0	0	5
Sách chuyên khảo	0	1	1	1	3

Các sản phẩm nghiên cứu được lưu trữ tại Thư viện Nhà trường. Công tác sở hữu trí tuệ, hợp tác NCKH và chuyển giao công nghệ bước đầu được quan tâm.

Kết quả nghiên cứu của các đề tài đã được báo cáo trong các hội thảo khoa học và lưu giữ tại Thư viện Nhà trường làm tài liệu tham khảo. Công tác NCKH của SV bắt đầu được thực hiện và có nhiều chuyên viên tích cực.

#### ***2.2.4. Hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế***

Trong những năm qua, Trường ĐHHD đã thiết lập được mối quan hệ mật thiết với nhiều trường ĐH, trung tâm nghiên cứu và một số doanh nghiệp trong nước, thường xuyên nhận được thông tin phản hồi về chất lượng đào tạo, nhu cầu đào tạo các bậc học, các ngành học, nhu cầu chuyển giao KHCN, sản xuất trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là kinh tế, kỹ thuật, phục vụ trực tiếp cho nhu cầu quản lý, sản xuất phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cán bộ, GV của các trường ĐH, viện nghiên cứu thường xuyên tham gia giảng dạy tại Trường ĐHHD, hướng dẫn SV, HV cao học viết khóa luận, luận văn tốt nghiệp. Đối với một số ngành đã mời cán bộ giảng dạy, nghiên cứu của các trường ĐH, viện nghiên cứu, các sở chuyên ngành tham gia hội đồng chấm đề tài khóa luận, luận văn, tổ chức các khóa đào tạo, CGCN, tập huấn cho các HV cao học và SV đại học cũng như các hoạt động tập huấn bồi dưỡng khác về công tác quản lý giáo dục, đảm bảo chất lượng, ....

Về hợp tác quốc tế, Nhà trường đã thiết lập được mối quan hệ với 3 trường đại học, viện nghiên cứu và các tổ chức của thế giới như Hàn Quốc, Nhật Bản, Nga về các lĩnh vực đào tạo, NCKH, xuất bản, trao đổi GV, SV đối với tất cả các ngành, lĩnh vực, việc hợp tác đã đạt được những hiệu quả rõ rệt. Đã phối hợp cùng Tổ chức của Hàn Quốc, phối hợp cùng các nhà khoa học có uy tín từ các trường ĐH tổ chức các Hội thảo khoa học quốc gia về giảng dạy Toán học, về đào tạo nguồn nhân lực thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0... tiếp nhận 04 sinh viên Lào, GV, tình nguyện viên các nước đến thực tập, giao lưu văn hóa tại Trường; cử 04 GV đi học tập nâng cao trình độ (tiến sĩ) ở nước ngoài, cử hàng trăm lượt cán bộ, GV đi học tập trao đổi kinh nghiệm tại Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản, Singapore, Malaysia... Thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế đã giúp cán bộ GV, SV của Nhà trường nâng cao năng lực đào tạo, khả năng sử dụng ngoại ngữ và năng lực nghiên cứu và vị thế của Nhà trường dần được nâng lên trong hệ thống các trường ĐH, nhất là các trường ĐH trực thuộc địa phương.

Ngoài ra, từ 2015 - 2018 Nhà trường cũng tiếp nhận 04 sinh viên đại học từ nước CHDCND Lào đến học tập tại Trường.

**Bảng 2.3: Kết quả hoạt động trên các lĩnh vực hợp tác quốc tế**

Hoạt động	2015	2016	2017	2018	Tổng
	SL	SL	SL	SL	SL
Biên bản ghi nhớ được kí kết	0	1	0	1	2
Đề tài dự án/hợp đồng	0	0	0	0	0
Đoàn vào	1	2	0	1	4
Đoàn ra (giảng viên) đi học/hội nghị/hội thảo	0	0	0	1	1
Số lượng sinh viên QT vào học tập/thực tập	10	10	10	10	10
Số lượng sinh viên thực tập/nghiên cứu	4	4	4	4	4

#### **2.2.5. Công tác đảm bảo chất lượng**

Thực hiện chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường công tác Đảm bảo và Kiểm định chất lượng giáo dục trong trường ĐH, hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục trong Nhà trường ngày càng được củng cố góp phần hoàn thành nhiệm vụ giáo dục và đào tạo.

Nhà trường đã cải tiến nội dung, tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo. Xây dựng ngân hàng đề thi và đáp án chuẩn cho các môn học. Đảm bảo kỷ cương dạy và học trong toàn Trường;

Nhà trường đã đẩy mạnh công tác ĐBCL của Nhà trường, thiết lập hệ thống ĐBCL giáo dục nội bộ theo các tiêu chuẩn ĐBCL;

Năm 2013, Trường đã triển khai tự đánh giá cấp cơ sở giáo dục và đã gửi Báo cáo lên Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đến năm 2017, Trường tiếp tục tiến hành tự đánh giá cấp cơ sở giáo dục theo bộ tiêu chuẩn của Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp.

#### **2.2.6. Công tác cơ sở vật chất**

- Về đất đai: Hiện nay, Nhà trường có hai cơ sở với tổng diện tích đất được cấp là 314.443,2 ha cụ thể:

Địa điểm 1: Khu đô thị phía Nam, Thành phố Hải Dương (Liên Hồng - TP. Hải Dương - Hải Dương), diện tích là hơn 30 ha;

Địa điểm 2: Khu 8, Phường Hải Tân, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, diện tích là gần 2 ha.

- *Về trang thiết bị dạy học, học liệu:* Hiện nay Nhà trường tương đối đầy đủ trang thiết bị dạy học, thí nghiệm thực hành các môn học, có trên 300 máy tính, máy trợ giảng, projector và thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và quản lý, tất cả máy tính đã được nối mạng nội bộ và internet tốc độ cao. Mạng wifi đã phủ kín các khu vực trong Nhà trường như Giảng đường, Thư viện, Khu làm việc, khu vực Ký túc xá.

- Thư viện có trên 7000 đầu sách, tài liệu số, luận văn thạc sĩ, báo cáo của các đề tài nghiên cứu khoa học và các loại báo, tạp chí và ấn phẩm. Có phòng đọc sách, báo, tạp chí, 01 phòng mượn với diện tích tổng cộng trên 200m<sup>2</sup> và trên 100 chỗ đọc sách và phòng tra cứu Internet, việc mua sách, giáo trình và nâng cấp, mua sắm một số phương tiện hiện đại phục vụ hoạt động của Thư viện đã được thực hiện thường xuyên.

- *Khu vực làm việc, ký túc xá SV và khu vực hoạt động ngoài trời:*

+ Khu vực Ký túc xá sinh viên gồm 5 toà nhà (thuộc 2 khu: Khu Hải Tân 01 toà nhà; Khu Liên Hồng có 4 toà nhà 5 tầng) có khả năng đáp ứng chỗ ở cho khoảng 1.500 sinh viên, trong đó các toà nhà đều có chỗ ở khép kín, có đủ trang thiết bị phục vụ nhu cầu sinh hoạt. Đã có một số phòng trong khu KTX đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của lưu học sinh Lào cũng như các nhà khoa học đến lưu trú và làm việc tại Trường.

+ Khu vực Hiệu bộ với các phòng làm việc của các khoa, phòng, bộ môn, phòng bảo vệ luận văn, khóa luận tốt nghiệp.

+ Khu vực hoạt động ngoài trời, TDTT, văn hóa văn nghệ gồm 02 sân vận động, sân bóng chuyền, bóng rổ, nhà thi đấu thể thao, sinh viên, học viên có thể thi đấu và tập luyện góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện của Nhà trường.



**Bảng 2.4. Thực trạng đất đai, cơ sở vật chất**

STT	TRỤ SỞ CHÍNH	ĐVT	DIỆN TÍCH		DT SÀN THÔNG THỦY	SỐ PHÒNG THỰC HÀNH	SỐ PHÒNG LỚP HỌC
			DT. SXD	DT XD			
<b>I</b>	<b>Đất đai cơ sở vật chất</b>						
<b>A</b>	<b>Đất đai</b>						
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng; trong đó	m <sup>2</sup>		314,443.2			
1.1	Địa điểm 1: Liên Hồng TP. Hải Dương - Hải Dương	m <sup>2</sup>		206,474.0			
1.2	Khu ký túc xá tập trung	m <sup>2</sup>		88,156.2			
1.3	Địa điểm 2: Khu 8, Phường Hải Tân, TP. Hải Dương	m <sup>2</sup>		19,813.0			
<b>B</b>	<b>Cơ sở vật chất</b>						
<b>I</b>	<b>Khối văn phòng</b>	m <sup>2</sup>	<b>5,548.0</b>	<b>1,794.0</b>	<b>3,149.0</b>		<b>6</b>
1	Nhà A1	m <sup>2</sup>	1,073.0	312.0	559.0		3
2	Nhà A2	m <sup>2</sup>	750.0	244.0	353.0		3
3	Nhà A3	m <sup>2</sup>	1,055.0	388.0	707.0		
4	Hành chính hiệu bộ	m <sup>2</sup>	2,670.0	850.0	1,530.0		
<b>II</b>	<b>Khối giảng đường</b>	m <sup>2</sup>	<b>10,406.0</b>	<b>4,295.0</b>	<b>3,651.0</b>		<b>46</b>
1	Giảng đường Hải Tân	m <sup>2</sup>	2,642.0	1,731.0	2,067.0		24
2	Giảng đường Liên Hồng	m <sup>2</sup>	7,764.0	2,564.0	1,584.0		22
<b>III</b>	<b>Phòng đa phương tiện</b>	m <sup>2</sup>	<b>2,898.0</b>	<b>1,376.0</b>	<b>1,462.0</b>		<b>10</b>
1	B1	m <sup>2</sup>	226.0	113.0	156.0		2
2	B2	m <sup>2</sup>	248.0	124.0	173.0		2
3	B3	m <sup>2</sup>	386.0	193.0	204.0		1

STT	TRỤ SỞ CHÍNH	ĐVT	DIỆN TÍCH		DT SÀN THÔNG THỦY	SỐ PHÒNG THỰC HÀNH	SỐ PHÒNG LỚP HỌC
			DT. SXD	DT XD			
4	B4	m <sup>2</sup>	438.0	146.0	204.0		3
5	Tầng 1 GĐĐN	m <sup>2</sup>	1,600.0	800.0	725.0		2
<b>IV</b>	<b>Xưởng thực hành</b>	<b>m<sup>2</sup></b>	<b>288.0</b>	<b>288.0</b>	<b>690.0</b>	<b>14</b>	
1	Nhà H1	m <sup>2</sup>			370.0	12	
2	H2 (412)	m <sup>2</sup>			32.0	1	
3	Nhà xưởng	m <sup>2</sup>	288.0	288.0	288.0	1	
<b>V</b>	<b>Khối hội trường</b>	<b>m<sup>2</sup></b>	<b>1,320.0</b>	<b>671.0</b>	<b>1,288.0</b>		<b>2</b>
1	Giảng đường TT	m <sup>2</sup>	1,320.0	671.0	563.0		
2	Tầng 2 GĐĐN	m <sup>2</sup>			725.0		2
<b>VI</b>	<b>Khối thư viện</b>	<b>m<sup>2</sup></b>	<b>530.0</b>	<b>530.0</b>	<b>355.0</b>		
1	Hải Tân	m <sup>2</sup>	530.0	530.0	115.0		
2	Liên Hồng	m <sup>2</sup>			240.0		
<b>VII</b>	<b>Khối Ký túc xá</b>	<b>m<sup>2</sup></b>	<b>7,752.0</b>	<b>1,926.0</b>	<b>3,947.0</b>		
1	H2	m <sup>2</sup>			72.0		
2	H3	m <sup>2</sup>	3,250.0	650.0	1,652.0		
3	H4	m <sup>2</sup>	3,250.0	650.0	1,652.0		
4	Ký túc xá HT	m <sup>2</sup>	1,252.0	626.0	571.0		
<b>VIII</b>	<b>Khu thể thao</b>	<b>m<sup>2</sup></b>	<b>12,131.0</b>	<b>12,131.0</b>	<b>12,326.0</b>		
1	Văn phòng	m <sup>2</sup>			216.0		
2	Nhà thi đấu	m <sup>2</sup>	881.0	881.0	860.0		
3	Sân thể thao ngoài trời	m <sup>2</sup>	11,250.0	11,250.0	11,250.0		
<b>IX</b>	<b>Công trình khác</b>	<b>m<sup>2</sup></b>	<b>899.0</b>	<b>719.0</b>	<b>1,054.0</b>		
1	Nhà khách Hải Tân	m <sup>2</sup>			120.0		
2	Gara ô tô	m <sup>2</sup>	55.0	55.0	51.0		
3	Nhà bảo vệ công số 1 Hải Tân (2P)	m <sup>2</sup>	9.0	9.0	9.0		
4	Nhà bảo vệ công số 4 Hải Tân	m <sup>2</sup>	26.0	26.0	21.0		

STT	TRỤ SỞ CHÍNH	ĐVT	DIỆN TÍCH		DT SÀN THÔNG THỦY	SỐ PHÒNG THỰC HÀNH	SỐ PHÒNG LỚP HỌC
			DT. SXD	DT XD			
5	Nhà bảo vệ số 1 cổng số 1 KTX	m <sup>2</sup>	28.0	28.0	23.0		
6	Nhà bảo vệ số 2 cổng số 1 KTX	m <sup>2</sup>	13.0	13.0	8.0		
7	Nhà bảo vệ cổng số 1 Khu Hiệu bộ (04 nhà)	m <sup>2</sup>	96.0	96.0	96.0		
8	Nhà sàn	m <sup>2</sup>	389.0	209.0	201.0		
9	Y Tế	m <sup>2</sup>	0.0	0.0	87.0		
10	Căng tin	m <sup>2</sup>					
10.1	Khu Hải Tân	m <sup>2</sup>			111.0		
10.2	Khu Liên Hồng	m <sup>2</sup>	283.0	283.0	247.0		
11	Trung tâm khởi nghiệp	m <sup>2</sup>			80.0		

Nhìn chung, điều kiện về đất đai, cơ sở vật chất của Nhà trường và việc đầu tư xây dựng theo hướng hiện đại hoá đã đáp ứng cơ bản các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ khác của Trường.

### **2.2.7. Công tác tài chính**

Trường ĐHHD là một cơ sở đào tạo và NCKH công lập, nguồn tài chính phục vụ cho hoạt động của Trường bao gồm nguồn NSNN và nguồn thu từ học phí, lệ phí và các khoản thu khác. Là cơ sở Đại học công lập tự chủ một phần tài chính, trong những năm qua, nguồn thu của Trường chủ yếu là từ các hoạt động đào tạo. Trong điều kiện nguồn kinh phí NSNN cấp không tăng, trong khi nguồn thu từ học phí của các trường ĐH công lập bị giới hạn bởi mức trần học phí theo quy định của Chính phủ, quy mô tuyển sinh các hệ đào tạo chính quy giảm nhanh, việc duy trì ổn định nguồn thu của Nhà trường là sự nỗ lực rất lớn.

Trong những năm qua, Nhà trường đã triển khai kịp thời các chủ trương, chính sách và pháp luật nhà nước, các quy định, hướng dẫn của cấp trên về chế độ thu chi, quản lý tài chính, tài sản. Đồng thời, rà soát, điều chỉnh và bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài chính tài sản theo tinh thần Nghị định 43/2006/NĐ-CP, đưa công tác quản lý tài chính của Trường đi vào nề nếp, chủ động và tích cực; sử dụng hợp lý nguồn thu ngân

sách. Công tác quản lý tài chính đã thực sự phục vụ đắc lực cho các hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng... góp phần tích cực cho sự phát triển của Trường.

**Bảng 2.5: Tình hình tài chính Trường Đại học Hải Dương giai đoạn 2015-2018**

*Đơn vị: Triệu đồng*

Năm	NSNN cấp chi T.xuyên	NSNN cấp chi không T.xuyên	Học phí và các khoản thu khác	Tổng thu	Tổng chi
2014	12.049	6.020	27.738	45.807	51.207
2015	11.155	6.660	25.114	42.929	51.478
2016	11.057	15.861	18.181	45.098	45.839
2017	15.097	21.441	16.319	52.858	48.841
2018	14.668	5.577	13.597	33.842	30.937

Từ bảng nguồn lực tài chính trong 5 năm cho thấy, năm 2014, 2015, 2016 nguồn NSNN cấp chi thường xuyên cho trường tương đối ổn định, Các năm 2017, 2018 tăng nhiều so với năm 2014, sự gia tăng này do tỉnh cấp bổ sung biên chế làm việc cho trường (từ 165 biên chế lên 326 biên chế), đồng thời do cơ chế chính sách thay đổi (mức lương cơ sở từ 1,15trđ lên mức 1,21trđ; tăng lương hàng năm; điều chỉnh lương theo Nghị định số 17; tăng kinh phí cấp cho sinh viên đại học theo chế độ...).

Mặc dù vẫn duy trì được nguồn thu đáp ứng được các nhu cầu chi tiêu cho các hoạt động cần thiết, tuy nhiên nguồn thu này chỉ mới đáp ứng nhu cầu chi tiêu ở mức cơ bản, khó khăn trong tích lũy để tái đầu tư cơ sở vật chất, đào tạo cán bộ, GV và tăng cường ứng dụng các công nghệ đào tạo, quản lý mới nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của một trường ĐH.

### **2.3. Phân tích thực trạng**

#### **2.3.1. Điểm mạnh**

- Là một trường ĐH được thành lập để đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực và nhiều hình thức đào tạo phục vụ địa phương có nhu cầu nguồn nhân lực cao.

- Đội ngũ cán bộ quản lí, giảng viên có trình độ cao đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH, CGCN và phục vụ cộng đồng.

- Đã có hơn 60 năm kinh nghiệm đào tạo nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hải Dương, khu vực phía Bắc cũng như cả nước, đặc biệt trong lĩnh vực đào tạo kinh tế, kỹ thuật. Nhiều cựu HSSV và HV đã và đang giữ các vị trí quản lý trong hệ thống chính trị, kinh tế và xã hội của tỉnh Hải Dương, Hưng Yên.

- Cơ sở vật chất, kỹ thuật cơ bản đáp ứng quy mô đào tạo và nhu cầu nghiên cứu ứng dụng KH-CN. Cơ sở vật chất phục vụ SV nội trú, hoạt động thể thao, văn hóa cơ bản đáp ứng được nhu cầu của người học và xã hội.

- Có năng lực và kinh nghiệm tổ chức các hội thảo khoa học.

- Tạp chí Khoa học Trường ĐHHD, được cấp chứng nhận ISSN, đang từng bước trở thành ấn phẩm có chất lượng, có uy tín trong hệ thống các trường đại học.

- Trường ĐHHD luôn luôn tự đổi mới. Tập thể cán bộ lãnh đạo, quản lý, giảng viên, nhân viên đoàn kết, thống nhất, năng động.

### **2.3.2. Điểm yếu**

- Là một trường ĐH địa phương nâng cấp từ trung cấp, cao đẳng, mới thành lập, chưa tạo được thương hiệu, số ngành đào tạo còn ít và có ngành trùng lặp với các ngành đào tạo của các trường ĐH lân cận khác đã có kinh nghiệm nhiều năm, địa bàn tuyển sinh của Nhà trường chủ yếu ở tỉnh Hải Dương và một số ít tỉnh lân cận, quy mô đào tạo chưa lớn.

- Năng lực quản lý điều hành, năng lực quản trị đại học của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của Trường chưa đạt được yêu cầu của sự đổi mới đại học, chưa được qua các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về quản trị đại học, vì vậy còn gặp nhiều khó khăn khi triển khai thực hiện các nhiệm vụ của đại học theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

- Năng lực giảng dạy của một bộ phận GV còn hạn chế, thụ động. Số lượng GS/PGS còn rất ít, tỷ lệ GV có trình độ TS còn thấp. Đội ngũ GV ở một số ngành chưa đồng đều. Trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp quốc tế còn yếu.

- Chương trình đào tạo chưa thực sự tiếp cận với những tiến bộ khoa học - công nghệ và hội nhập, thiếu trang bị kỹ năng mềm, chưa phát huy năng lực tự học và tính sáng tạo của người học. Chưa có chương trình đạt chuẩn khu vực và chưa có nhiều chương trình có tính cạnh tranh cao.

- Năng lực hội nhập quốc tế của Nhà trường trong đào tạo và KH-CN chưa đáp ứng yêu cầu. Chưa có nhiều kinh nghiệm và năng lực đủ mạnh để tham gia đề tài cấp bộ, cấp quốc gia.

- Hoạt động quảng bá tuyên truyền Nhà trường chưa phát huy hiệu quả, chưa thật sự khẳng định được vị thế của Nhà trường trong hệ thống các trường ĐH, chỉ tiêu tuyển sinh thấp và chưa có phương án tuyển sinh thật sự hiệu quả.

- Dịch vụ tư vấn, hỗ trợ SV chưa hiệu quả cao. Việc điều tra khảo sát để thu thập thông tin về chất lượng đào tạo từ các nhà tuyển dụng và cựu SV chưa được chú ý nhiều.

- Sự gắn kết giữa đào tạo với các hoạt động chuyên môn, NCKH của khoa và bộ môn còn chưa cao. Nghiên cứu khoa học chưa trở thành nhu cầu thực sự của GV, phần lớn CBVC vẫn còn nặng tư duy bao cấp trong các hoạt động KHCN. Chưa thu hút được nhiều SV tham gia các hoạt động KHCN.

- Cơ sở vật chất và trang thiết bị thực tập, thực hành chưa thật sự đồng bộ và chưa được khai thác có hiệu quả. Một số thiết bị thí nghiệm, thực hành chưa tiếp cận hiện đại nên hiệu quả thấp.

### **2.3.3. Cơ hội**

- Hội nhập quốc tế và khu vực ngày càng sâu rộng đặc biệt là đối với hệ thống các trường ĐH.

- Luật Giáo dục ĐH đang được sửa đổi, từng bước giao quyền tự chủ rộng hơn cho trường ĐH.

- Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục 2011–2020, tỉnh Hải Dương và các tỉnh lân cận trong khu vực đã phê duyệt Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011-2020 và hiện nay, tỉnh Hải Dương đang quyết liệt triển khai thực hiện Kết luận của BCH Đảng bộ Tỉnh về phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Hải Dương giai đoạn 2011-2015, định hướng đến 2020, tạo nhiều cơ hội việc làm cho người lao động qua đào tạo.

- Sự quan tâm, hỗ trợ của Bộ GDĐT, tỉnh Hải Dương và các sở, ngành địa phương đối với Nhà trường.

- Kinh tế - xã hội của tỉnh và khu vực đang trên đà tăng trưởng và phát triển.

- Nhu cầu của xã hội về các sản phẩm nghiên cứu ứng dụng, về nguồn nhân lực có trình độ cao, kỹ năng giỏi trong hoạt động nghề nghiệp ngày càng tăng và đa dạng.

- Nhu cầu của người học muốn được đào tạo theo các chương trình chất lượng cao trong nước, ra trường có thể làm việc và đáp ứng ngay nhu cầu của xã hội ngày càng tăng.

- Mối liên kết giữa trường ĐH với địa phương và doanh nghiệp có xu hướng tăng.

#### **2.3.4. Thách thức**

- Xu hướng phát triển giáo dục đại học đặt ra yêu cầu mỗi Nhà trường cần đáp ứng đòi hỏi của nền “Kinh tế tri thức”.

- Thị trường lao động biến động và phát triển. Đào tạo chưa gắn với nhu cầu và đáp ứng được yêu cầu của xã hội dẫn tới tỷ lệ SV ra trường không có việc làm cao đòi hỏi trách nhiệm xã hội và năng lực nghiên cứu phát triển của trường đại học ngày càng cao.

- Cạnh tranh giữa các trường đại học ngày càng gia tăng đặc biệt là sự cạnh tranh giữa các trường đại học địa phương với các trường có “bề dày” và “thương hiệu”. Xu thế học nghề tăng lên, học đại học giảm đi. Nhiều doanh nghiệp lớn thu hút người lao động không cần qua đào tạo.

- Mâu thuẫn giữa nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo trong khi chi phí dành cho đào tạo thấp. Mâu thuẫn giữa mong muốn mở rộng, phát triển, lớn mạnh, nâng tầm của Nhà trường với điều kiện cho phép, đáp ứng nhu cầu học đại học của xã hội, khả năng về nhân lực, vật lực của Nhà trường, của địa phương.

- Trường ĐHHD nằm ở giữa các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh nên việc thu hút người học có phần khó khăn khi học viên có tâm lý muốn về thành phố lớn học tập.

### **Phần III**

## **CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐẾN 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN 2030**

### **3.1. Mục tiêu chiến lược**

Chiến lược được xây dựng dựa trên cơ sở tình hình thực tế của Nhà trường sau 7 năm nâng cấp lên trường đại học. Nội dung của chiến lược xuất phát từ việc đánh giá tổng thể thực trạng của Trường ĐHHD, xác định hướng phát triển từng lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, trên cơ sở đó đưa ra mục tiêu, kế hoạch và giải pháp để thực hiện chiến lược đào tạo, NCKH, CGCN, hợp tác quốc tế, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh... giai đoạn 2018-2025, định hướng đến 2030, phù hợp với những thay đổi của Nhà trường, của sự nghiệp giáo dục - đào tạo, của xã hội và xu hướng chung của các trường đại học công lập trong khu vực và trên thế giới, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hải Dương và khu vực phía Bắc cũng như cả nước.

Nâng cao chất lượng của hệ thống quản trị ĐH. Từng bước trở thành trường đại học điện tử. Tái cấu trúc đi đôi với xây dựng một hệ thống quản trị hiện đại, chuyên nghiệp trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin. Triển khai, hoàn thiện và vận hành có hiệu quả phần mềm quản lý tổng thể. Đảm bảo 100% cán bộ, GV, người học và các khâu công việc có nền tảng chia sẻ và cơ sở dữ liệu dùng chung.

Xây dựng và thực hiện lộ trình tái cấu trúc một cách khoa học và hợp lý, đảm bảo quá trình này được tiến hành với ý chí và nguyện vọng thống nhất của tập thể sư phạm Nhà trường.

Triển khai thực hiện hệ thống mô tả công việc, đánh giá và trả lương theo vị trí việc làm. Đây là nền tảng cơ sở cho việc đổi mới cơ chế quản lý và hoạt động quản trị của Trường ĐHHD. Hệ thống này cần được thường xuyên đánh giá, cập nhật cho phù hợp với những thay đổi trong môi trường hoạt động của Nhà trường.

Xây dựng hệ thống quản trị thông minh trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin, hoàn thiện và sử dụng có hiệu quả phần mềm quản lý tổng thể đi đôi với tối ưu hóa, đơn giản hoá các thủ tục hành chính. Thực hiện phân cấp quản lý nhằm đảm bảo sự linh hoạt trong hoạt động của toàn hệ thống.

Tăng cường giám sát, đánh giá mọi mặt hoạt động của Nhà trường nhằm đảm bảo sự minh bạch, liêm chính và hiệu quả. Thành lập và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng Trường, Công đoàn, Đoàn Thanh niên và các tổ chức chính trị xã hội khác. Xây dựng cơ chế đánh giá chất lượng phục vụ của các đơn vị trong Trường.

Gắn kết hoạt động của Nhà trường với các tổ chức thực tế đảm bảo trách nhiệm xã hội. Nhà trường cần trở thành tiêu điểm gắn kết với xã hội đảm bảo tận dụng các nguồn lực một cách có hiệu quả, nâng cao đóng góp của Nhà trường đối với xã hội. Đảm bảo sự giám sát cần thiết của xã hội đối với các hoạt động của Nhà trường

### **3.2. Cơ sở pháp lý xây dựng chiến lược**

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ Sáu, BCHTW khóa XII "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả";

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ Sáu, BCHTW khóa XII "về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập";



- Luật Giáo dục ngày 16/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25/11/2009;

- Luật Giáo dục Đại học ngày 18/6/2012 và Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

- Điều lệ trường đại học được ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Thành lập Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương;

- Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 01/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương thành Trường Đại học Hải Dương;

- Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020;

- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Giáo dục và đào tạo về Ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

- Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập;

- Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên.

### **3.3. Các chiến lược thành phần**

#### **3.3.1. Chiến lược về tổ chức bộ máy**

##### *a) Mục tiêu*

Hoàn thiện hệ thống quản trị, cơ chế quản lý và cơ cấu tổ chức phù hợp, đảm bảo tinh gọn, đủ năng lực quản trị mọi mặt hoạt động của Nhà trường trong giai đoạn mới và xu thế phát triển của quốc gia.

##### *b) Các giải pháp chính*

- Kiện toàn Hội đồng Trường theo quy định của Luật Giáo dục Đại học sửa đổi năm 2019 và Nghị định 99/2019/NĐ-CP, ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống tổ chức của Trường theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo các quy định của Nhà nước.

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự; xây dựng chức năng nhiệm vụ, quy chế hoạt động; cải tiến quy trình giải quyết công việc; thực hiện phân công, phân cấp quản lý mạnh mẽ gắn với giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm xã hội cao đối với các đơn vị trực thuộc Trường; nguyên tắc phối kết hợp giữa bộ máy quản trị, quản lý và các đơn vị để tạo sự năng động, đồng bộ và hiệu quả trong điều hành, quản lý Nhà trường.

- Hoàn thiện tái cấu trúc Nhà trường để có mô hình cơ cấu hợp lý, tinh gọn, linh hoạt và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và nguồn lực khác.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, hoàn thiện và thực hiện hệ thống văn bản quy định nội bộ, ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành tất cả các hoạt động của Nhà trường.

- Thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở dưới sự lãnh đạo của Đảng nhằm tăng cường vai trò của các tổ chức đoàn thể, cán bộ và người học trong quá trình phát triển của Trường.

- Xây dựng hệ thống đánh giá khách quan kết quả thực hiện nhiệm vụ và đóng góp của từng đơn vị và cá nhân gắn liền với công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật. Đẩy mạnh công tác thanh tra, giám sát các hoạt động trong Trường.

- Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức và cá nhân để xây dựng và phát triển Nhà trường.

### **3.2.2. Chiến lược phát triển đội ngũ**

#### **a) Mục tiêu**

Xây dựng được đội ngũ công chức, viên chức đảm bảo về số lượng, cân đối về cơ cấu, phù hợp với vị trí việc làm, có tư cách đạo đức tốt, làm việc chuyên nghiệp và sáng tạo, bảo đảm sự chuyển tiếp vững vàng, liên tục giữa các thế hệ cán bộ quản lý và GV, đáp ứng quá trình thực hiện sứ mạng của Nhà trường.

#### **b) Các giải pháp chính**

- Xây dựng Đề án vị trí việc làm; Lập quy hoạch phát triển đội ngũ trên cơ sở nhu cầu vị trí việc làm của từng đơn vị đến năm 2030.

- Xây dựng và hoàn thiện các quy định về công tác cán bộ.

- Có kế hoạch sử dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giảng viên và cán bộ hành chính về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ và kỹ năng lãnh đạo, quản lý phù hợp với yêu cầu công việc đảm nhiệm.

- Quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Bố trí, sử dụng cán bộ, viên chức đúng yêu cầu của vị trí việc làm để phát huy tốt năng lực sáng tạo và tính chuyên nghiệp.

- Công tác tuyển dụng đảm bảo tính khách quan, chính xác, chặt chẽ để chọn được người đáp ứng được nhu cầu nhân lực của các đơn vị trong Trường.

- Xây dựng và thực hiện chính sách thu hút và sử dụng nhân tài trong các lĩnh vực thiết yếu, đảm bảo công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học ổn định.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu chuyên nghiệp của Trường, tiến tới thành lập các nhóm chuyên gia nghiên cứu các ngành mũi nhọn.

- Thường xuyên điều chỉnh, bổ sung quy chế về công tác cán bộ bao gồm các vấn đề tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm... công khai, minh bạch, phù hợp với các văn bản của Nhà nước và đáp ứng ngày càng cao về tiêu chuẩn giảng viên và cán bộ quản lý.

- Đẩy mạnh dân chủ hóa Nhà trường, thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên.

- Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, viên chức trên cơ sở đảm bảo dân chủ, công bằng, công khai về chế độ đãi ngộ, phân phối thu nhập, phúc lợi.

### **3.3.3. Chiến lược phát triển đào tạo**

#### **a) Mục tiêu**

Chất lượng đào tạo không ngừng được nâng cao, quy mô các bậc học, ngành học và loại hình đào tạo hợp lý theo tiêu chí của ĐH định hướng ứng dụng. Để Nhà trường có thể ổn định trong giai đoạn 2018-2025 và phát triển trong giai đoạn 2025-2030 cần phải tăng cường công tác tuyển sinh, nâng cao chất lượng đào tạo, năng lực, kỹ năng của người học, quy mô đào tạo được mở rộng hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao và đa dạng của xã hội, khu vực. Giữ ổn định quy mô đào tạo hệ chính quy theo kế hoạch. Từng bước xây dựng, phát triển quy mô đào tạo chất lượng cao, ít nhất 2 ngành học lên từ 10- 20% vào năm 2025. Quy mô đào tạo không chính quy ổn định ở mức hiện tại. Quy mô đào tạo liên kết với các cơ sở đào tạo đạt khoảng 5%. Hàng năm có 50-150 lượt sinh viên tham gia các chương trình giao lưu, trao đổi, học tập với đối tác nước ngoài. Nâng dần số lượng SV nước ngoài học theo các hình thức và chương trình khác nhau tại Trường lên 20 - 30 SV vào năm 2025. Mở ít nhất 2 ngành mới đào tạo SDH. Tăng tỉ lệ quy mô đào tạo SDH từ 30 - 40% vào năm 2025 và lên 50 – 60 % vào năm 2030. Mở ít nhất một ngành NCS vào năm 2022 và 2 ngành NCS, 6 ngành cao học vào năm 2030.

#### **b) Các giải pháp chính**

- Nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao và đa dạng của xã hội bằng các giải pháp: phát triển chất lượng chương trình đào tạo, áp dụng phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá tích cực, hoàn thiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

- Mở rộng các bậc học, ngành học và loại hình đào tạo hợp lý theo tiêu chí của đại học định hướng ứng dụng đáp ứng nhu cầu nhân lực phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hải Dương và cả nước, trên cơ sở các giải pháp: tăng quy mô đào tạo (Triển khai 02 ngành đào tạo đại học chất lượng cao lên từ 10- 20% vào năm 2025. Mở thêm 02 ngành đào tạo đại học, 02 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, mở ít nhất một ngành NCS vào năm 2022 và 2 ngành NCS, 6 ngành cao học vào năm 2030. Mở rộng đào tạo đa cấp, đào tạo trung học phổ thông, mở rộng hợp tác đào tạo với các cơ sở trong và ngoài nước, phát triển chương trình đào tạo ngắn hạn đáp ứng nhu cầu xã hội, phát triển các phương thức đào tạo khác.

- Nâng cao trách nhiệm của Nhà trường với xã hội, gắn đào tạo với nhu cầu thực tiễn nguồn nhân lực bằng nhiều biện pháp, trong đó có: kiểm định chất lượng

giáo dục theo chuẩn quốc gia và khu vực ở các cấp độ (kiểm định chất lượng trường ĐH, kiểm định chất lượng chương trình đào tạo). Khảo sát người học, người dạy, CBVC, đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan.

- Xây dựng và thực hiện chương trình kết nối cựu SV với Trường.
- Tham gia vào xếp hạng các trường ĐH trong nước và khu vực.

### **3.3.4. Chiến lược phát triển về khoa học công nghệ**

#### **a) Mục tiêu**

Là trung tâm đào tạo, NCKH và CGCN hàng đầu của Tỉnh, trong đó tập trung xác định lĩnh vực mũi nhọn các ngành thuộc khối kinh tế, kỹ thuật. Đảm bảo chất lượng các hội thảo khoa học các cấp, chú ý đặc biệt nâng cao chất lượng và hiệu quả của các hội thảo chuyên ngành hẹp. 100% GV tham gia NCKH, 30% GV thạc sĩ vào năm 2025 và 50% vào năm 2027 và 60 % GV tiến sĩ có ít nhất 1 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành/năm hoặc có báo cáo trình bày tại các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế và phần đầu có bài đăng trong các tạp chí quốc tế. Mỗi năm công bố 2-5 cuốn sách chuyên khảo và tổ chức 1-2 hội thảo, hội nghị khoa học quốc gia. Thực hiện tốt việc công bố các kết quả NCKH trên Website của Trường. Xây dựng và phát triển được từ 1 đến 2 nhóm nghiên cứu mạnh.

Đề tài NCKH cấp Trường: 150 - 200 đề tài/năm học; Đề tài NCKH cấp tỉnh, Bộ: 01- 5 đề tài/năm học; Tăng tỉ lệ kinh phí cho hoạt động KH&CN/CBGD lên khoảng 5.000.000 đồng/CBGD. Phần đầu hàng năm kinh phí NCKH tăng khoảng 5%.

Đẩy mạnh tăng nguồn thu từ hoạt động khoa học và CGCN phục vụ đào tạo và nhu cầu của thị trường, doanh nghiệp.

Đảm bảo hoạt động phát triển KH&CN của Nhà trường có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tiễn, phát triển công nghệ gắn với nội dung chương trình đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, phát huy tư duy sáng tạo, năng lực tự học của người học; định hướng hình thành trường đại học theo định hướng ứng dụng trong tương lai.

#### **b) Các giải pháp chính**

- Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2018-2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Thiết lập hệ thống pháp lý nâng cao năng lực quản lý KH&CN đáp ứng yêu cầu đổi mới trong nước, quốc tế và cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0.

- Chủ động mở rộng phạm vi, lĩnh vực hợp tác KHCN với đối tác trong, ngoài nước và khu vực, khẳng định thế mạnh và thương hiệu của Nhà trường.

- Đa dạng hóa nguồn kinh phí cho hoạt động khoa học và công nghệ. Ưu tiên đầu tư về kinh phí, nhân lực cho những đề tài NCKH mang tính ứng dụng cao; những đề tài quản lý kinh tế, nghiên cứu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

- Xây dựng, phát huy vai trò của các nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh phục vụ các hướng nghiên cứu mũi nhọn của Nhà trường.

- Tăng cường hoạt động quản lý, khuyến khích, hỗ trợ đăng ký sở hữu trí tuệ với các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước.

- Xây dựng quy định chế độ ưu tiên và chính sách phù hợp nhằm khuyến khích cán bộ công bố các kết quả nghiên cứu trên các ấn phẩm có uy tín trong và ngoài nước.

- Ưu tiên các công bố kết quả KHCN có khả năng thương mại hóa và quảng bá thương hiệu Nhà trường.

- Đầu tư nâng cao chất lượng Tạp chí ĐHHD. Tăng cường hợp tác trong đào tạo, NCKH với các trường ĐH, viện nghiên cứu, các doanh nghiệp trong và ngoài nước, thông qua việc ký kết các hợp đồng, thỏa thuận hợp tác.

- Phát triển KHCN gắn liền với phát triển đào tạo nguồn nhân lực Nhà trường.

- Tăng cường phát triển công tác NCKH trong SV.

- Phát triển KHCN gắn liền với mang lại nguồn thu cho Nhà trường.

*c) Các chỉ số thực hiện tại bảng sau:*

**Bảng 3.1: Các chỉ số Khoa học và công nghệ**

<i><b>STT</b></i>	<i><b>Nội dung</b></i>	<b>Đến năm 2025</b>	<b>Đến năm 2030</b>
1.	Tổ chức hội thảo khoa học cấp trường	01-02 hội thảo/năm	02-03 hội thảo/ năm
2.	Tham gia hội thảo trong nước và quốc tế	03-05 hội thảo/năm	03-07 hội thảo/năm
3.	Tỉ lệ giảng viên, nghiên cứu viên tham gia nghiên cứu khoa học	70%	80%

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<b>Đến năm 2025</b>	<b>Đến năm 2030</b>
4.	Tỉ lệ sinh viên, học viên tham gia nghiên cứu khoa học	2%	3%-5%
5.	Thành lập và hoạt động hiệu quả các nhóm nghiên cứu và nghiên cứu mạnh	01- 02 nhóm	02-04 nhóm
6.	Hợp tác nghiên cứu khoa học	02	03
7.	Giảng viên, viên chức cơ hữu có công bố quốc tế, sách chuyên khảo, giáo trình hoặc sản phẩm kỹ thuật ứng dụng được công nhận	3%	5%
8.	Dự án thương mại hóa sản phẩm hợp tác nghiên cứu, phát triển	01 dự án	01 dự án
9.	Có sản phẩm được cấp chứng nhận SHTT	01-02	01-03

### ***3.3.5. Chiến lược phát triển về liên kết, hợp tác quốc tế***

#### ***a) Mục tiêu***

Nâng cao hiệu quả các hoạt động Hợp tác, liên kết trong các hoạt động đào tạo, NCKH, CGCN, hợp tác sản xuất. Thông qua hoạt động Hợp tác liên kết để nâng cao chất lượng, trình độ của đội ngũ cán bộ, GV và SV.

Đổi mới công tác hợp tác, liên kết theo hướng có sản phẩm đầu ra cụ thể. Thiết lập, củng cố các mối quan hệ đào tạo và NCKH, chuyển giao công nghệ, sản xuất, kinh doanh... liên kết với tập đoàn An Phát, Kyokawa...thiết lập các mối quan hệ các đối tác Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, các chương trình trao đổi SV, HV sau đại học và các học giả.

Tăng cường các đầu mối quan hệ hợp tác quốc tế mới để có được thêm nhiều nguồn tài trợ học bổng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu sách vở và chất xám phục vụ công tác đào tạo và NCKH, tăng các chương trình giao lưu, trao đổi GV và HSSV. Tìm nguồn tài trợ cũng như đối tác nghiên cứu về nhu cầu phát triển nghề nghiệp của giảng viên. Khai thác mọi nguồn lực đảm bảo số lượng giáo viên nước ngoài giảng dạy tại Trường hàng năm. Chú trọng việc mời giáo sư thỉnh giảng ngắn hạn bằng kinh phí hỗ trợ của nước ngoài tham gia giảng dạy ở bậc SDH.

Khai thác, huy động các nguồn tài trợ và sự giúp đỡ của các doanh nghiệp phục vụ công tác đào tạo và NCKH. Phát huy hiệu quả của các chương trình hợp tác về NCKH, trao đổi với các trường ĐH của các nước như Nhật Bản, Hoa Kỳ, Trung Quốc, Hàn Quốc...

Đào tạo tiếng Việt cho người nước ngoài. Tích cực mở rộng khai thác nguồn tuyển SV có sẵn và mở rộng thêm các nguồn tuyển sinh khác bằng những phương thức mang tính cạnh tranh cao. Nâng dần số lượng sinh viên nước ngoài học tại Trường.

*b) Các giải pháp chính*

- Duy trì và tăng cường công tác Hợp tác liên kết để đào tạo ĐH và SDH: Phát triển qui mô, loại hình, ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu của xã hội; Cải tiến chất lượng các chương trình đào tạo ĐH; Cải tiến phương pháp đào tạo ĐH và tăng cường tài nguyên học tập.

- Xây dựng chiến lược mở rộng HTQT của Nhà trường theo từng giai đoạn và theo từng năm. Định kỳ rà soát ban hành các chính sách, cơ chế, quy định, quy trình liên quan đến hoạt động HTQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích các cá nhân, đơn vị tham gia tích cực vào công tác phát triển quan hệ đối ngoại, đồng thời tăng cường công tác quan hệ công chúng để nâng cao vị thế của Trường đối với xã hội và thu hút nguồn lực xã hội để phát triển Nhà trường.

- Rà soát, đánh giá, duy trì và phát triển các mối quan hệ hợp tác với các đối tác có uy tín đã được thiết lập. Tăng cường tìm kiếm và mở rộng hợp tác với các trường ĐH và tổ chức quốc tế nhằm khai thác tối đa nguồn lực từ bên ngoài; Đa phương hóa, đa dạng hóa loại hình hợp tác, tăng cường hội nhập khu vực và quốc tế trong hợp tác đào tạo và nghiên cứu KHCN và phục vụ cộng đồng, tranh thủ sự hỗ trợ về nguồn vốn đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị cho Nhà trường.

- Đổi mới cơ chế hợp tác quốc tế trong khuôn khổ luật pháp. Thiết lập các mối quan hệ đào tạo và NCKH liên kết với các đối tác nước ngoài, các chương trình trao đổi sinh viên, giảng viên, các học giả, tập trung vào các chương trình liên kết đào tạo;

- Tích cực tham gia và phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ban, ngành liên quan và chính quyền địa phương trong các chương trình hợp tác quốc tế nhằm phát huy thế mạnh và triển khai hiệu quả các hoạt động của Nhà trường;

- Phối hợp với các đối tác thường xuyên tổ chức, cử GV, SV tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế;



- Bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho GV, SV của Nhà trường;
- Ứng dụng công nghệ 4.0 trong kết nối chia sẻ trao đổi thông tin khoa học, đồng thời đẩy mạnh hoạt động quảng bá về trường ĐHHD ra thế giới.

- Nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của Nhà trường.

### **3.3.6. Chiến lược phát triển cơ sở vật chất**

#### *a) Mục tiêu*

- Xây dựng cơ sở vật chất đồng bộ, hiện đại đáp ứng nhu cầu phát triển.
- Nâng cao chất lượng các phần mềm phục vụ người học, cải cách thủ tục hành chính. Xây dựng phòng họp trực tuyến, phòng học trực tuyến đào tạo từ xa.
- Hướng tới xây dựng Thư viện đạt chuẩn của một thư viện hiện đại, với nguồn tài nguyên thông tin phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên, sinh viên trong Trường và hướng tới phục vụ rộng rãi cho nhu cầu của xã hội”.

- Nâng cấp cơ sở vật chất như phòng học, khu vực sinh hoạt chung, phòng làm việc cho các đơn vị tại cả hai cơ sở. Hoàn thành việc cải tạo các nhà H1, H2 vào năm 2020 các nhà H3, H4 vào năm 2021. Phân đấu mỗi khoa đào tạo có một khu làm việc chất lượng cao vào năm 2025. Tiếp tục nghiên cứu, khảo sát và lập dự toán cải tạo, thay thế một số khu nhà thấp tầng cũ, nát bằng nhà cao tầng khang trang gọn sạch.

- Từng bước thực hiện quy hoạch phát triển tổng thể Nhà trường (Khu vực Nam Lộ Cương Thành Phố Hải Dương) đến năm 2030. Chú trọng đầu tư cho hệ thống giảng đường và văn phòng, ký túc xá, nhà thi đấu thể thao, trung tâm y tế và các cơ sở phục vụ giảng dạy và học tập...

Tiếp tục đầu tư chiều sâu để nâng cao hơn nữa năng lực giảng dạy, nghiên cứu, tư vấn và quản lý của Nhà trường. Tập trung đầu tư vào hệ thống công nghệ thông tin phục vụ giảng dạy và quản trị đại học theo hướng Đại học điện tử. Tăng cường đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất cần thiết (cơ sở hạ tầng, văn phòng làm việc).

Xây dựng cơ sở Hải Tân hướng tới tiền đề mở rộng các ngành/ lĩnh vực đào tạo kinh tế, đào tạo sau đại học, các trung tâm dịch vụ ...

Triển khai xây dựng và phê duyệt kế hoạch phát triển Cơ sở Liên Hồng trước năm 2025 hoàn thiện cơ sở vật chất trang thiết bị trước năm 2030.

#### *b) Các giải pháp chính*

- Tham mưu đầu tư xây dựng Khu nhà Hiệu bộ, Giảng đường, Trung tâm thư viện, xây dựng Trung tâm TNTH&CGKHCN, một số khu vực của Trường ĐHHD

thành khu sinh thái, vừa đáp ứng nhu cầu thực tập, thực hành, sản xuất vừa là khu trải nghiệm cho học sinh các cấp và nhân dân trong khu vực. Cải tạo một phần cơ sở 2 thành khu thí nghiệm, thực hành.

- Đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống trang thiết bị quản lý, giảng dạy, học tập theo hướng đồng bộ, hiện đại, thường xuyên nâng cấp và đổi mới.

- Thường xuyên cải tạo, duy trì, nâng cấp, sử dụng hiệu quả diện tích sàn xây dựng và cơ sở vật chất hiện có phục vụ các hoạt động của GV, SV.

- Tăng cường hoạt động quản lý cơ sở vật chất. Hoàn thiện các quy định nội bộ về quản lý và sử dụng tài sản, cơ sở vật chất của Nhà trường.

- Huy động các nguồn lực xã hội để tăng cường cơ sở vật chất, phát triển cơ sở vật chất gắn liền với phát triển đào tạo của Nhà trường.

- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin, đầu tư mua phần mềm quản lý tài liệu điện tử toàn văn. Xây dựng các bộ sưu tập số theo chủ đề; hoàn thiện đề cương bài giảng, bài báo, tạp chí và tăng cường sưu tầm các bộ sưu tập thông tin, tư liệu phục vụ nghiên cứu tiến tới xây dựng CSDL tài liệu, thông tin phục vụ nghiên cứu.

### ***3.3.7. Chiến lược phát triển tài chính***

#### ***a) Mục tiêu***

- Thực hiện có hiệu quả hơn nữa cơ chế tự chủ tài chính. Quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất đúng theo các quy định. Rà soát các khoản chi, sử dụng cơ sở vật chất theo hướng có hiệu quả, tiết kiệm. Thu đủ các nguồn thu có thể có được trong quá trình hoạt động của Nhà trường.

- Đa dạng hóa hơn nữa các nguồn thu từ việc tăng cường các hoạt động dịch vụ đào tạo và NCKH, liên kết đào tạo, thực hiện các dự án, chương trình, hợp đồng đào tạo theo địa chỉ với các ngành, các địa phương, các tổ chức trong và ngoài nước nhằm nâng cao vị thế của Trường và tăng nguồn thu cho Trường.

Cung cấp tư vấn về việc sử dụng nguồn ngân sách, nguồn thu trong các hoạt động của Trường. Giúp các đơn vị trong Trường sử dụng tốt các nguồn lực về tài chính, cơ sở vật chất.

Sớm thực hiện việc tự chủ ĐH về tài chính để phục vụ cho việc thức hiện sứ mạng, tầm nhìn và các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng

#### ***b) Các giải pháp chính***

- Chủ động tranh thủ nguồn đầu tư từ ngân sách Nhà nước. Điều chỉnh khung học phí của các hệ đào tạo, theo chính sách chung của nhà nước đối với các trường ĐH công

lập; Tích cực tìm kiếm các dự án hỗ trợ về NCKH, huy động các nguồn tài trợ từ các quỹ học bổng...

- Tăng cường công tác tuyển sinh, phát triển hoạt động của Trung tâm Thực nghiệm, thực hành và CGCN, Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ, Kế toán, Trung tâm Bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp để mở rộng các hoạt động bồi dưỡng và cấp chứng chỉ các loại, hoạt động liên kết đào tạo.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện 3 công khai theo quy định của Bộ GD&ĐT. Rà soát lại chức năng, nhiệm vụ của các trung tâm có thu để khai thác tốt nguồn thu tiến tới tự chủ của các trung tâm. Xây dựng cơ chế khuyến khích các đơn vị, trung tâm chủ động tìm kiếm các hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu & chuyển giao công nghệ, dịch vụ tư vấn nhằm tăng nguồn thu của Nhà trường, tăng thu nhập cho cán bộ viên chức và giảm áp lực đối với tài chính của trường.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích các đơn vị chủ động trong HTQT, nâng cao năng lực đội ngũ về chuyên môn, ngoại ngữ & kỹ năng thực hiện các dự án quốc tế tìm kiếm các nguồn lực tài chính của nước ngoài.

- Tranh thủ sự đóng góp từ các Doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân đặc biệt là từ cựu sinh viên thành đạt cho các hoạt động của Nhà trường.

- Quản lý và sử dụng nguồn lực tài chính có hiệu quả: Đổi mới công tác lập kế hoạch và cơ chế phân bổ tài chính; Nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, tiết kiệm chi tiêu, tránh lãng phí để nâng cao thu nhập cho CBVC; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính.

- Nâng cao năng lực và tự chịu trách nhiệm trong hoạt động tài chính: Nâng cao chất lượng và trách nhiệm cá nhân trong công tác xây dựng, triển khai các dự án đầu tư XDCB; Nâng cao năng lực lập và quản lý kế hoạch, tài chính cho đội ngũ viên chức quản lý.

**\* Các chỉ số thực hiện**

*- Tăng qui mô và đa dạng hóa các nguồn lực tài chính.*

(1) Giai đoạn 2018-2021, phấn đấu giảm tỷ lệ chi thường xuyên từ ngân sách Nhà nước, tăng tỷ lệ nguồn thu đảm bảo chi thường xuyên của Nhà trường lên khoảng 30% vào năm 2020, đạt khoảng 35% vào năm 2021, giai đoạn từ năm 2021-2025 phấn đấu nguồn thu của Nhà trường tăng dần và đến năm 2030 phấn đấu tự chủ hoàn toàn kinh phí chi thường xuyên và một phần kinh phí đầu tư.

(2) Kinh phí hoạt động KHCN, CGCN, dịch vụ và sản xuất hàng năm đạt tối thiểu từ 1-3 tỷ đồng giai đoạn 2018-2021, 5-7 tỷ đồng các giai đoạn 2021-2025 và 2025-2030.

(3) Kinh phí các đề tài/dự án nước ngoài hàng năm đạt tối thiểu từ 1-2 tỷ đồng giai đoạn 2021-2025 và 3 - 5 tỷ đồng giai đoạn 2025-2030.

(4) Phân đầu cơ cấu nguồn ngân sách Trường đảm bảo các hoạt động:

<b>Nguồn thu</b>	<b>Đến 2021</b>	<b>Đến 2025</b>	<b>Đến 2030</b>
Ngân sách Nhà nước	49%	15%	0%
Nguồn thu của Nhà trường	47%	75%	90%
Vận động tài trợ	1%	3%	5%
Các nguồn khác	3%	7%	5%

- *Quản lý và sử dụng nguồn lực tài chính có hiệu quả*

+ Phân bổ tài chính theo định hướng tăng đầu tư NCKH và đầu tư phát triển nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Định hướng cơ cấu chi ngân sách theo tỷ lệ như sau:

Chi cho con người: 50%

Chi nghiệp vụ chuyên môn: 25%

Chi đầu tư cơ sở vật chất: 20%

Chi khác: 5%

+ Thường xuyên rà soát, đánh giá tình hình quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn tài chính, kiểm kê và quản lý việc sử dụng tài sản trong trường để đảm bảo hiệu quả sử dụng và bảo quản tài sản. Định kỳ rà soát sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ.

### **3.3.8. Chiến lược về đảm bảo chất lượng**

#### **a) Mục tiêu**

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường.
- Triển khai tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục.
- Tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn chất lượng quốc gia và khu vực.
- Xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng trong toàn bộ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng.

#### *b) Các giải pháp chính*

- Xây dựng đội ngũ chuyên trách ổn định cho hệ thống ĐBCL bên trong của Nhà trường, cán bộ làm chuyên trách công tác ĐBCLGD được đào tạo, bồi dưỡng đúng chuyên môn nghiệp vụ.

- Có bộ phận độc lập làm công tác Quản lý chất lượng.

- Ứng dụng CNTT vào công tác khảo sát các bên liên quan; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác ĐBCL và KĐCLGD.

- Tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành và triển khai các quy định, quy trình và hướng dẫn về công tác ĐBCL.

- Xây dựng môi trường văn hóa chất lượng trong các hoạt động của Nhà trường.

- Triển khai các hoạt động ĐBCL và KĐCLGD theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và các tổ chức kiểm định trong khu vực.

- Tham mưu xây dựng chính sách, kinh phí để đưa công tác hoạt động ĐBCL vào số hóa.

#### **3.3.9. Chiến lược phục vụ cộng đồng**

##### *a) Mục tiêu*

Xây dựng và phát triển các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng nhằm tạo môi trường để người học được trải nghiệm, phát triển toàn diện về phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe và nâng cao nhận thức, trách nhiệm xã hội đối với người học, thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, mục tiêu chiến lược của Nhà trường.

##### *b. Các giải pháp chính*

- Kết nối Đào tạo: Tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn (*chứng chỉ*) và dài hạn (*văn bằng*), đào tạo liên thông chính quy theo nhu cầu của địa phương, doanh nghiệp Đào tạo trình độ ĐH, sau đại học cho các địa phương có nhu cầu. Mở rộng hợp tác đào tạo với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

- Kết nối hoạt động khoa học và CGCN: Thực hiện các đề tài NCKH và CGCN... cho các địa phương, doanh nghiệp để giải quyết các vấn đề thực tiễn, phục vụ xã hội. Chú trọng các hướng nghiên cứu mũi nhọn của Nhà trường. Liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp, các trung tâm KHCN nhằm ứng dụng và nhanh chóng chuyển giao vào thực tiễn sản xuất và đời sống.

- Hợp tác, kết nối trong nước và quốc tế: Đa phương hóa, đa dạng hóa loại hình hợp tác và chủ động hội nhập. Tăng cường tìm kiếm và mở rộng hợp tác với các trường ĐH,

học viện trong nước và quốc tế; Các trung tâm nghiên cứu và CGCN và công nghệ nhằm tăng cường năng lực cho Nhà trường. Tạo cơ hội cho người học được tiếp cận với chuẩn mực quốc tế, gắn lí thuyết với thực tiễn, gắn chương trình đào tạo với nhu cầu của các nhà tuyển dụng, nâng cao uy tín, vị thế và mang lại lợi ích thiết thực cho Nhà trường.

- Tham gia giải quyết các vấn đề cấp bách của xã hội: Tham gia tư vấn, giải quyết các vấn đề cấp bách như: tệ nạn xã hội, khí hậu môi trường... hay các vấn đề tự nhiên, kinh tế, xã hội cấp bách khác.

- Các hoạt động kết nối tình nguyện xã hội: Tổ chức cho GV, SV các hoạt động vì cộng đồng tại các huyện, xã, phường như các chiến dịch Mùa hè xanh, Đông âm vùng cao, hiến máu nhân đạo, tiếp sức mùa thi... các hoạt động thăm hỏi, động viên, tặng quà cho các gia đình có công với cách mạng và công tác thăm hỏi tặng quà các gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

### ***3.3.10. Chiến lược về người học***

#### ***a) Mục tiêu***

- Thu hút người học bằng việc phát triển các chương trình đào tạo có chất lượng, các chương trình đào tạo được kiểm định theo chuẩn quốc gia và khu vực; Tạo môi trường để người học phát triển toàn diện về phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe, hoàn thành tốt chương trình đào tạo và hình thành được các kỹ năng làm việc đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế.

- Nâng cao nhận thức của người học về trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với Nhà trường.

#### ***b) Các giải pháp chính***

- Phát triển các chương trình đào tạo có chất lượng, chương trình đào tạo được kiểm định theo chuẩn quốc gia và khu vực để SV ra trường có thể làm việc ở các môi trường trong nước, khu vực và quốc tế.

- Tổ chức truyền thông và kết nối với các trường phổ thông nhằm cung cấp đầy đủ, kịp thời cho học sinh về tiềm năng của Nhà trường, đặc biệt là thông tin về tuyển sinh, ngành nghề, chương trình đào tạo, cơ hội việc làm, triển vọng tương lai sau tốt nghiệp, đảm bảo thu hút được những sinh viên tương lai để tăng tỷ trọng người học.

- Cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin cho người học và cộng đồng về các hoạt động của Nhà trường, trong đó chú trọng thông tin về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá, chuẩn đầu ra, các quy định liên quan đến người học và thực trạng việc làm sinh viên sau khi tốt nghiệp.

- Hoàn thiện hệ thống các văn bản quản lí người học nhằm đảm bảo người học thực hiện tốt các nhiệm vụ và được hưởng đầy đủ quyền lợi theo quy định của Nhà nước.

- Xây dựng bộ máy hành chính một cửa, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao tinh thần và thái độ phục vụ đội ngũ chuyên viên chuyên nghiệp, hiệu quả.

- Xây dựng cơ sở vật chất, tạo điều kiện cho người học trong sinh hoạt, học tập và rèn luyện. Tăng cường kết nối cựu SV nhằm huy động tiềm lực cựu SV đóng góp cho sự phát triển của Nhà trường.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống tư vấn và hỗ trợ người học nhằm giúp người học xây dựng kế hoạch, cải tiến phương pháp học tập, phát triển kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm.

- Tạo điều kiện để người học tham gia các hoạt động ngoại khoá góp phần phát triển toàn diện nhân cách, kỹ năng, năng lực và sáng tạo. Khuyến khích và tổ chức cho người học tham gia các hoạt động ở tầm quốc gia, khu vực và quốc tế. Nêu cao tinh thần dân tộc, tinh thần quốc tế.

- Thiết lập và vận hành mối liên hệ thường xuyên giữa Nhà trường với người học, gia đình và địa phương nơi người học cư trú để thực hiện tốt nguyên lý giáo dục gắn nhà trường với xã hội.

- Đổi mới các hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội, tạo các sân chơi phù hợp với phương thức và phương pháp đào tạo để người học tham gia tích cực các hoạt động. Tăng cường các hoạt động phục vụ xã hội và cộng đồng của người học.

- Xây dựng Quỹ học bổng hỗ trợ người học nhằm khuyến khích, động viên người học, đặc biệt quan tâm đến người học có hoàn cảnh khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho người học phát huy tài năng.

- Tổ chức các hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thường xuyên trong SV.

## **Phần IV**

### **ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ, TÍNH KHẢ THI VÀ KIẾN NGHỊ**

#### **4.1. Thuận lợi**

(1) Trường ĐHHD thuộc tỉnh Hải Dương, nằm ở trung tâm các tỉnh khu vực phía bắc, kết nối giao thông giữa các tỉnh Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, khá thuận lợi nên người học thuộc các tỉnh này có thể học tập tại Trường ĐHHD mà không mất nhiều chi phí đi lại, sinh hoạt và học tập lại thấp.

(2) Được sự quan tâm của các bộ, ngành trung ương, sự ủng hộ mạnh mẽ của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, các cơ quan hữu quan của tỉnh Hải Dương và các tỉnh lân cận, sự quan tâm của xã hội đối với sự phát triển của Nhà trường.

(3) Trường ĐHHD đã có những đổi mới nhanh chóng trên nhiều mặt, thích ứng được với cơ chế mới và dần khẳng định được vị thế của một trường ĐH trong khu vực, phát triển theo hướng ĐH ứng dụng, đào tạo đa ngành, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội.

(4) Đội ngũ CBQL, GV cơ bản đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định, nhiều GV có kinh nghiệm giảng dạy. Người học được đảm bảo các chế độ chính sách và quyền lợi, môi trường học tập lành mạnh, Nhà trường có nhiều hoạt động để tạo điều kiện cho SV tham gia nhằm nâng cao hiểu biết và kiến thức xã hội ngoài chuyên môn, nghiệp vụ.

#### **4.2. Khó khăn**

(1) ĐHHD thuộc tỉnh Hải Dương là một trường ĐH mới thành lập, chưa có thương hiệu, số ngành đào tạo còn ít và có ngành trùng lặp với các ngành đào tạo của các trường đại học lân cận khác đã có kinh nghiệm nhiều năm nhất là các trường ĐH tại Hà Nội.

(2) Năng lực quản lý điều hành, năng lực quản trị ĐH của lãnh đạo trường còn nhiều hạn chế. Số GV có trình độ GS, PGS, tiến sĩ còn ít, cơ cấu về số lượng GV có trình độ cao chưa đồng đều giữa các chuyên ngành đào tạo. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ và ngoại ngữ của nhiều GV còn yếu, chưa thể sử dụng giao tiếp và làm việc với đối tác nước ngoài; việc NCKH và ứng dụng khoa học vào thực tiễn còn chưa thực sự là nhu cầu của mỗi GV đại học.

(3) Chưa có nhiều ngành nghề đào tạo nên không có nhiều sự lựa chọn cho người học, một số ngành nghề đào tạo thuộc thế mạnh của tỉnh nhưng không thu hút được SV.



Nhà trường chưa có các hoạt động hỗ trợ để nhằm tăng tỷ lệ sinh viên có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo, số sinh viên ra trường chưa có việc làm cao.

(4) Diện tích xây dựng như giảng đường, thư viện, KTX, cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH hiện đủ đáp ứng yêu cầu đào tạo nhưng chưa hoàn chỉnh, hiện đại, chưa thu hút được người học cũng như HTQT, một số trang thiết bị thí nghiệm, thực hành còn lạc hậu chưa đáp ứng được yêu cầu và chưa được thay đổi.

(5) Nguồn thu của Nhà trường cơ bản đủ phục vụ cho các hoạt động dạy học và chi cho con người, chưa có nhiều kinh phí dành cho các hoạt động NCKH và xây dựng, mua sắm cơ sở vật chất lớn phục vụ cho sự phát triển của Trường.

### **4.3. Dự kiến hiệu quả của chiến lược phát triển**

Trên cơ sở xác định rõ những thuận lợi, khó khăn trong thời điểm hiện tại và xu hướng phát triển của xã hội trong thời kỳ hội nhập quốc tế sâu rộng và tiến tới cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ 4. Đề án đã đưa ra các chỉ tiêu và xác định các giải pháp, phương án thực hiện để đạt được, vì vậy dự kiến hiệu quả đạt được của Đề án như sau:

(1) Công tác tuyển sinh của Trường ĐHHD được cải thiện trong những năm tới thông qua các giải pháp đồng bộ từ đổi mới công tác tuyển sinh, nâng cao chất lượng giảng dạy, đảm bảo chất lượng đầu ra, phối hợp với các đơn vị để tìm kiếm việc làm cho SV sau tốt nghiệp. Hoạt động bồi dưỡng, cấp chứng chỉ nghề nghiệp, tin học, ngoại ngữ và các chứng chỉ, chứng nhận khác cho người có nhu cầu trong thời gian tới chắc chắn sẽ tăng cao theo yêu cầu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

(2) Công tác NCKH và HTQT sẽ tiếp tục được mở rộng và phát triển mạnh mẽ thông qua các tiêu chí và giải pháp trên cơ sở thực tiễn và xu hướng phát triển của hệ thống các trường ĐH nói chung và ĐHHD nói riêng, từ đó sẽ cải thiện các tiêu chí xếp hạng trường ĐH trong giai đoạn 2018-2022 và các giai đoạn tiếp theo.

(3) Hoạt động CGCN, sản xuất, dịch vụ khoa học của Trung tâm Thực hành, thực nghiệm và CGCN của Nhà trường sẽ hoạt động hiệu quả, thông qua các sản phẩm đã hình thành và các hợp tác đã được ký kết với các đơn vị trong và ngoài tỉnh. Việc tập trung cải tạo và phát triển các trung tâm đã đặt thành nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới nên hoạt động sẽ mang lại hiệu quả cao.

(4) Tổ chức bộ máy cũ sẽ được tinh gọn, các đơn vị mới được thành lập đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai, việc tuyển dụng các vị trí việc làm cần thiết và

ting giảm các biên chế, vị trí việc làm không còn phù hợp là một động lực làm thay đổi cơ chế quản lý, hoạt động của Nhà trường theo hướng tích cực. Việc tự tạo ra việc làm và tổ chức làm việc sẽ được thay đổi trên cơ sở tất cả các đơn vị tham gia sẽ có hiệu quả và tạo nên sự thay đổi về bản chất cho nội tại Trường ĐHHD, việc tìm việc làm không chỉ còn là nhiệm vụ của một số ít đơn vị trực thuộc như giai đoạn trước mà còn là nhiệm vụ chung của tất cả cán bộ, viên chức Nhà trường.

(5) Trên cơ sở thay đổi các phương án tuyển sinh, đào tạo, bồi dưỡng, CGCN, dịch vụ sản xuất cũng như thay đổi về cơ chế quản lý, nguồn thu trong Nhà trường chắc chắn sẽ được cải thiện, tác động rõ rệt đến việc thực hiện đúng lộ trình nâng cao dần sự tự chủ của Nhà trường trong giai đoạn 2018-2025 và các giai đoạn tiếp theo.

#### **4.4. Tính khả thi của Chiến lược**

Chiến lược phát triển của Trường ĐHHD đến 2025, định hướng đến 2030 là có tính khả thi bởi các lý do sau đây:

(1) Mục tiêu của Chiến lược là rõ ràng, các chỉ tiêu đặt ra trên cơ sở thực trạng của Trường ĐHHD, của tỉnh Hải Dương và khu vực, đồng thời căn cứ vào xu hướng phát triển của xã hội, của các trường ĐH và nhu cầu của người học. Đề án cũng đã xác định đến các hoạt động KHCN, HTQT, dịch vụ chuyển giao và sản xuất trong từng giai đoạn và khả năng đáp ứng của đội ngũ cán bộ GV, nghiên cứu viên và kỹ thuật viên trong thời gian tới.

(2) Việc tinh giảm biên chế đối với các vị trí không còn phù hợp song song với việc tuyển dụng, hợp đồng viên chức vào các vị trí cần thiết cho sự phát triển đã được xác định rõ ràng, từ đó tạo động lực cho các hoạt động của Nhà trường bởi vì sẽ không có khả năng xảy ra sự thoái hóa, trì trệ của đội ngũ, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, NCKH và từ đó SV ra trường sẽ đáp ứng được nhu cầu xã hội, có cơ hội tự tìm việc làm hoặc tự tạo ra được việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp trên địa bàn Tỉnh.

(3) Nguồn thu của Nhà trường hoàn toàn khả thi thông qua các hoạt động tăng cường công tác tuyển sinh, đào tạo, đặc biệt là hoạt động liên kết đào tạo. Các hoạt động trên sẽ đem lại nguồn thu lớn cho Trường ĐHHD nên lộ trình thực hiện tự chủ của Trường ĐHHD là hoàn toàn khả thi.

(4) Trường ĐHHD đã và đang nhận được sự ủng hộ cao từ Tỉnh ủy, HĐND, UBND và các cấp, các ngành của tỉnh Hải Dương cũng như của xã hội. Tập thể CB, GV, NV Trường ĐHHD đoàn kết nhất trí, cùng nhau quyết tâm vượt qua khó khăn

hiện tại và phấn đấu thực hiện tốt các nhiệm vụ đặt ra. Những yếu tố này là một cơ sở tốt để tin tưởng tính khả thi của Chiến lược.

#### **4.5. Kiến nghị**

Để Chiến lược có tính khả thi và đáp ứng được yêu cầu phát triển của hệ thống đào tạo ĐH trong cả nước, khắc phục được những khó khăn, hạn chế trong giai đoạn chuyển đổi của Trường ĐHHĐ phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Hải Dương và khu vực, Trường ĐHHĐ đề nghị:

##### **4.5.1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo**

(1) Sớm bổ sung và mở rộng quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho các trường đại học theo Luật Giáo dục đại học và Điều lệ trường ĐH (sau khi sửa đổi) về việc mở ngành đào tạo, công tác tuyển sinh... để phù hợp với sự phát triển của các trường đại học trong giai đoạn hiện nay.

(2) Nghiên cứu chương trình mục tiêu quốc gia để hỗ trợ sự phát triển của các cơ sở giáo dục ĐH thuộc địa phương, giúp các trường ĐH thực hiện các nhiệm vụ chính trị cho các địa phương ngoài công tác đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực có trình độ cao.

##### **4.5.2. Đối với tỉnh Hải Dương**

(1) Để nâng cao năng lực quản lý, quản trị đại học cho Trường ĐHHĐ, đề nghị tỉnh xem xét bổ sung hoàn chỉnh Ban Giám hiệu, đồng thời tạo điều kiện để đội ngũ lãnh đạo này được đào tạo, bồi dưỡng bài bản về năng lực quản trị ĐH ở trong nước và nước ngoài.

(2) Đề nghị tỉnh Hải Dương và các sở, ngành có liên quan nghiên cứu, xem xét và tạo điều kiện tối đa về mặt cơ chế, hành lang pháp lý cho Nhà trường, đặc biệt là ưu tiên dành các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cho trường ĐH khi xuất hiện nhu cầu, tạo sự chủ động trong các hoạt động cho trường ĐH, đồng thời yêu cầu tăng tính tự chịu trách nhiệm của Hiệu trưởng trường ĐH.

(3) Để giúp Trường ĐHHĐ sớm hoạt động tự chủ và tạo môi trường học tập, nghiên cứu và hợp tác quốc HTQT ngang tầm với các trường ĐH trong khu vực và cả nước, thu hút người học. Đề nghị tỉnh tiếp tục có kế hoạch đầu tư tập trung xây dựng Trường theo Quy hoạch đã được phê duyệt để Trường ĐHHĐ sớm có được cơ sở vật chất, thiết bị hiện đại đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH, CGCN, sản xuất và cung cấp dịch vụ chất lượng cao cho xã hội.

## **Phần V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Chiến lược phát triển Trường Đại học Hải Dương đến 2025, định hướng đến 2030 được thực hiện thông qua các kế hoạch 05 năm và được cụ thể hóa thành kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể từng năm học của Nhà trường, được phổ biến rộng rãi đến từng phòng, trung tâm, khoa và các bộ môn và cá nhân trong toàn Trường. Tổ chức thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển giai đoạn 2020 - 2030 là nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường.

Các đơn vị trong Trường xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ năm học của đơn vị mình trên cơ sở kế hoạch, nhiệm vụ chung của Nhà trường và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đã đề ra. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên chủ động, sáng tạo xây dựng kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Hải Dương.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức đánh giá việc thực hiện Chiến lược (*vào dịp tổ chức hội nghị CBVC và tổng kết năm học*), trên cơ sở đó xác định, điều chỉnh mục tiêu, chỉ tiêu của Nhà trường trong năm học tiếp theo cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

Đến năm 2025 và năm 2030 sẽ tổ chức đánh giá toàn diện Chiến lược của Nhà trường, làm căn cứ cho việc xây dựng và thực hiện Chiến lược phát triển cho giai đoạn tiếp theo.

## **KẾT LUẬN**

Là một trường đại học địa phương ở khu vực phía Bắc, Trường ĐHHĐ đã có gần 60 năm kinh nghiệm đào tạo, tổ chức NCKH phục vụ nhu cầu xây dựng và phát triển các lĩnh vực kinh tế xã hội của tỉnh Hải Dương và cả nước. Sau 7 năm nâng cấp thành đại học, Trường ĐHHĐ đã nỗ lực vượt lên trên mọi khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình và đã có những thay đổi căn bản, đang từng bước vươn lên đáp ứng nhu cầu đào tạo phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Mặc dù trước mắt còn rất nhiều khó khăn thử thách, nhưng xu hướng xây dựng và phát triển Trường ĐHHĐ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực theo hướng của một trường ĐH ứng dụng, thực hành đã và đang được khẳng định một cách vững chắc, góp phần không nhỏ vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, dần trở thành một trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học của tỉnh Hải Dương và khu vực.

Để tạo điều kiện cho Trường ĐHHĐ phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn tiếp theo, ngang tầm với các trường đại học trong khu vực và cả nước và sớm hoạt động tự chủ, Trường ĐHHĐ trân trọng đề nghị Chính phủ, các bộ ngành Trung ương, tỉnh Hải Dương quan tâm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Chiến lược phát triển Nhà trường đến năm 2025 tầm nhìn 2030 nhanh chóng trở thành hiện thực, góp phần thúc đẩy sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực phục vụ sự phát triển kinh tế-xã hội cho các tỉnh khu vực phía Bắc cũng như cả nước.

**HIỆU TRƯỞNG**

<Đã ký>

**TS. Vũ Đức Lễ**

